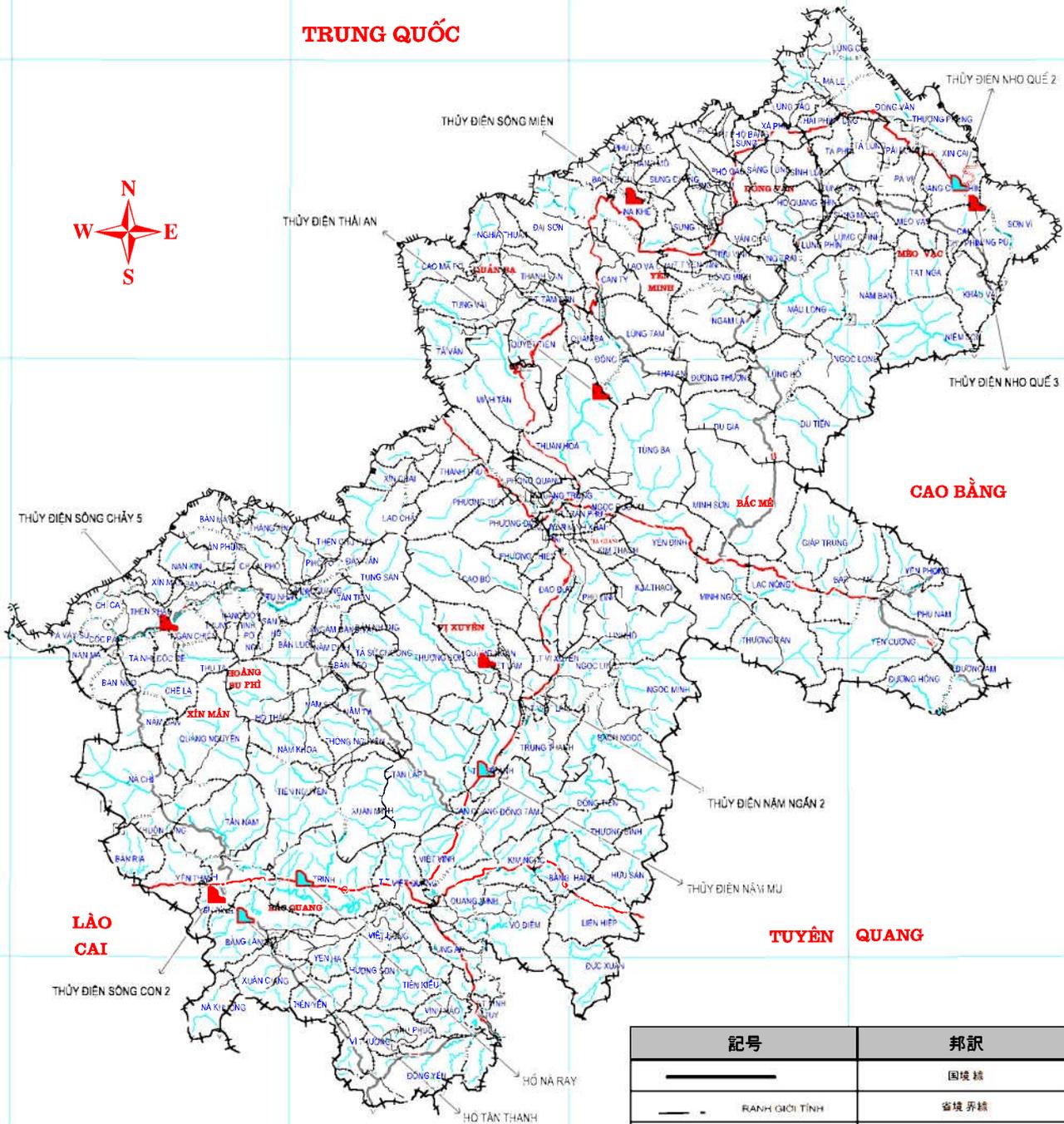


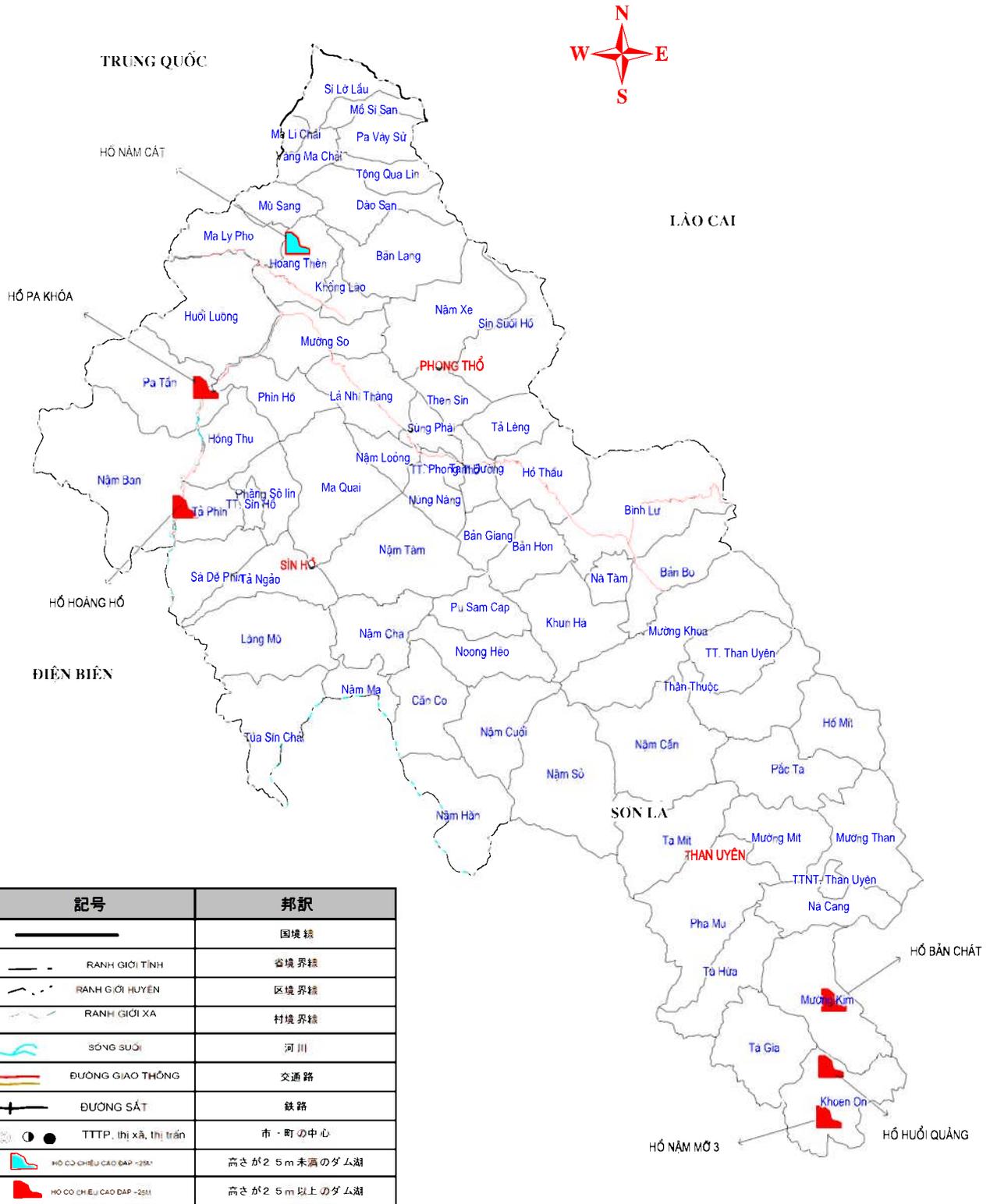
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH HÀ GIANG

TRUNG QUỐC

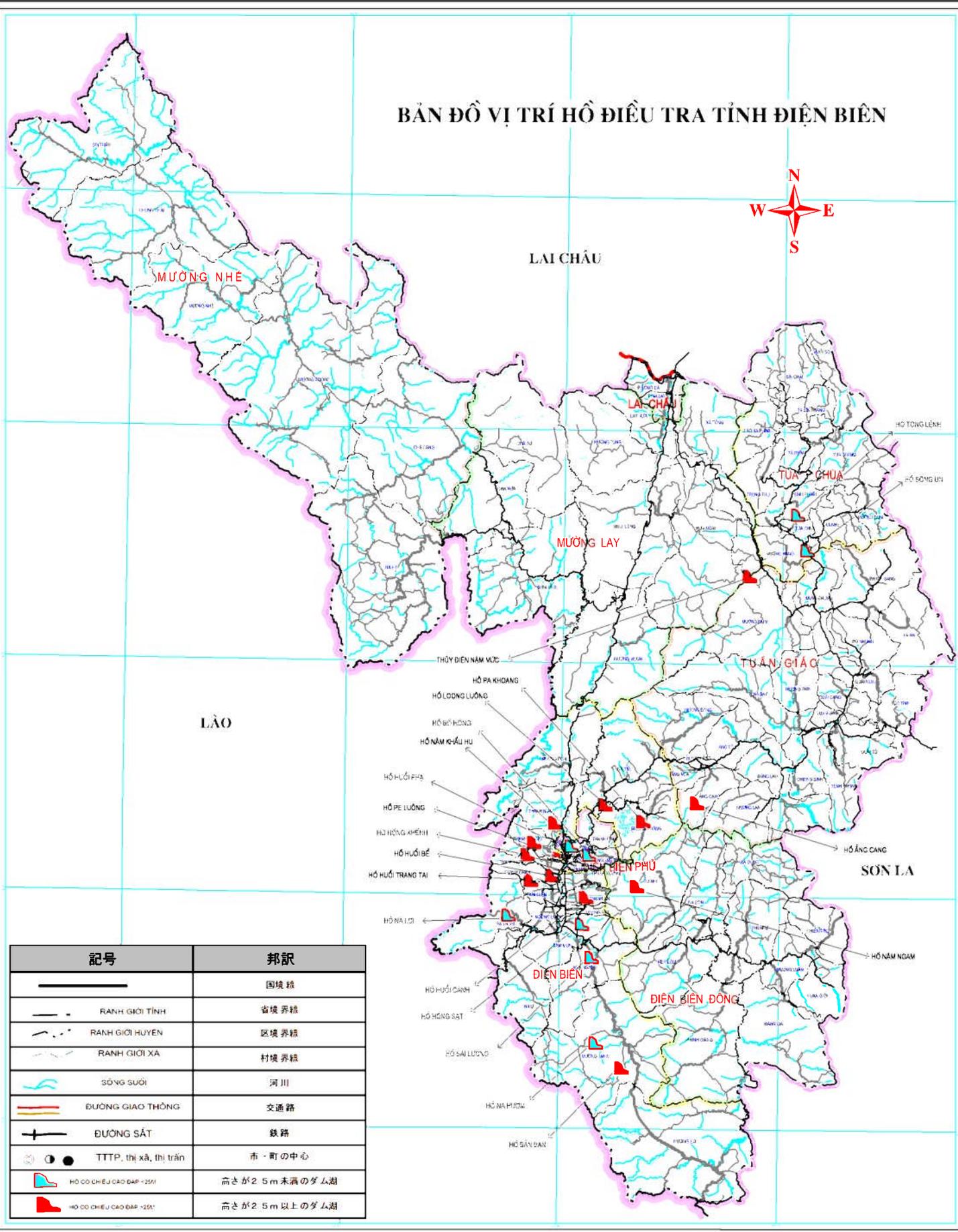


記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	高さが2.5m未満のダム湖
	高さが2.5m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH LAI CHÂU



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH ĐIỆN BIÊN



LÀO

LAI CHÂU

MUỖNG NHÉ

MUỖNG LAY

TUẦN CHUA

TUẦN GIÁC

DIÊN PHỦ

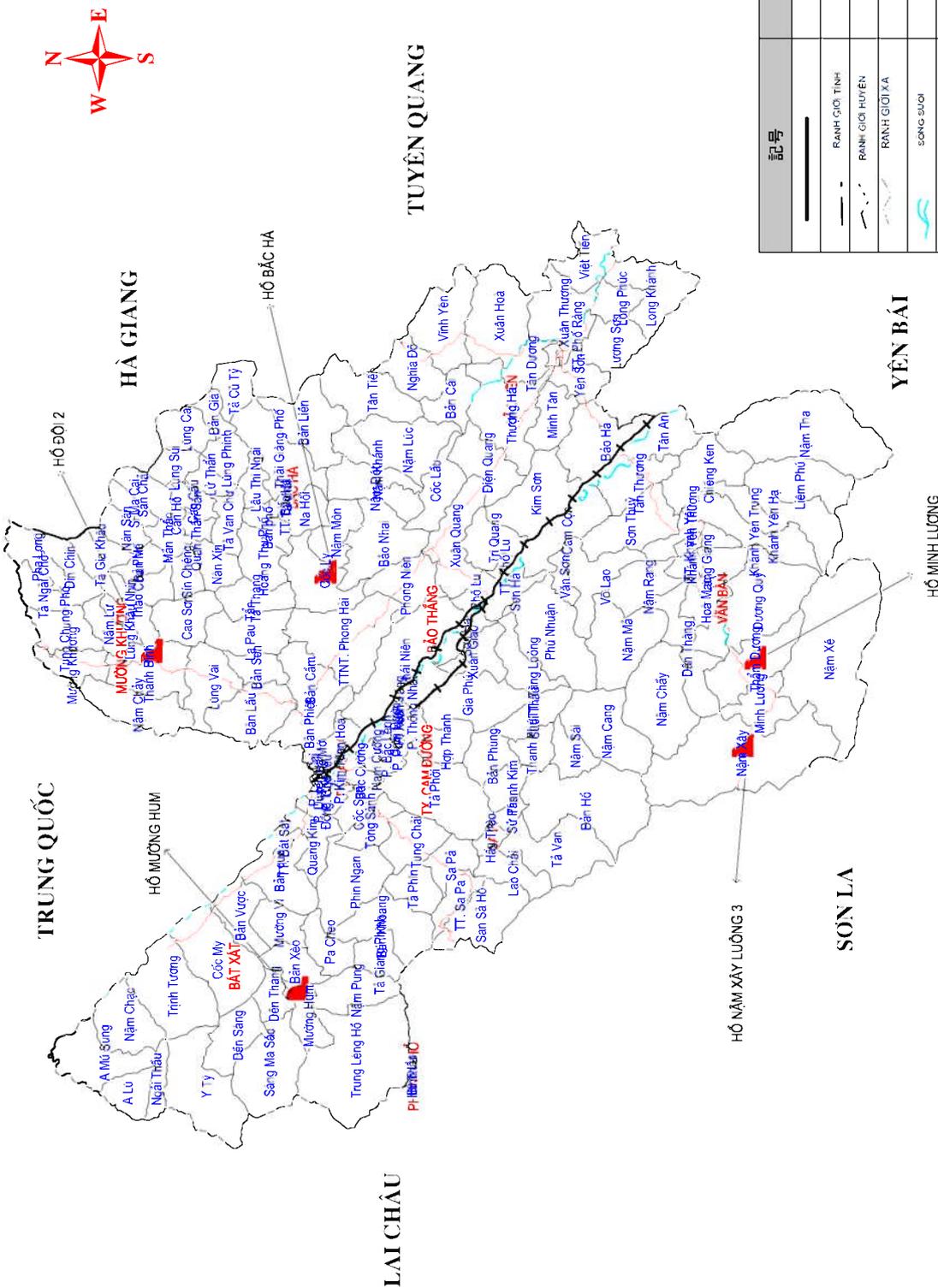
DIÊN BIÊN

DIÊN BIÊN ĐÔNG

SƠN LA

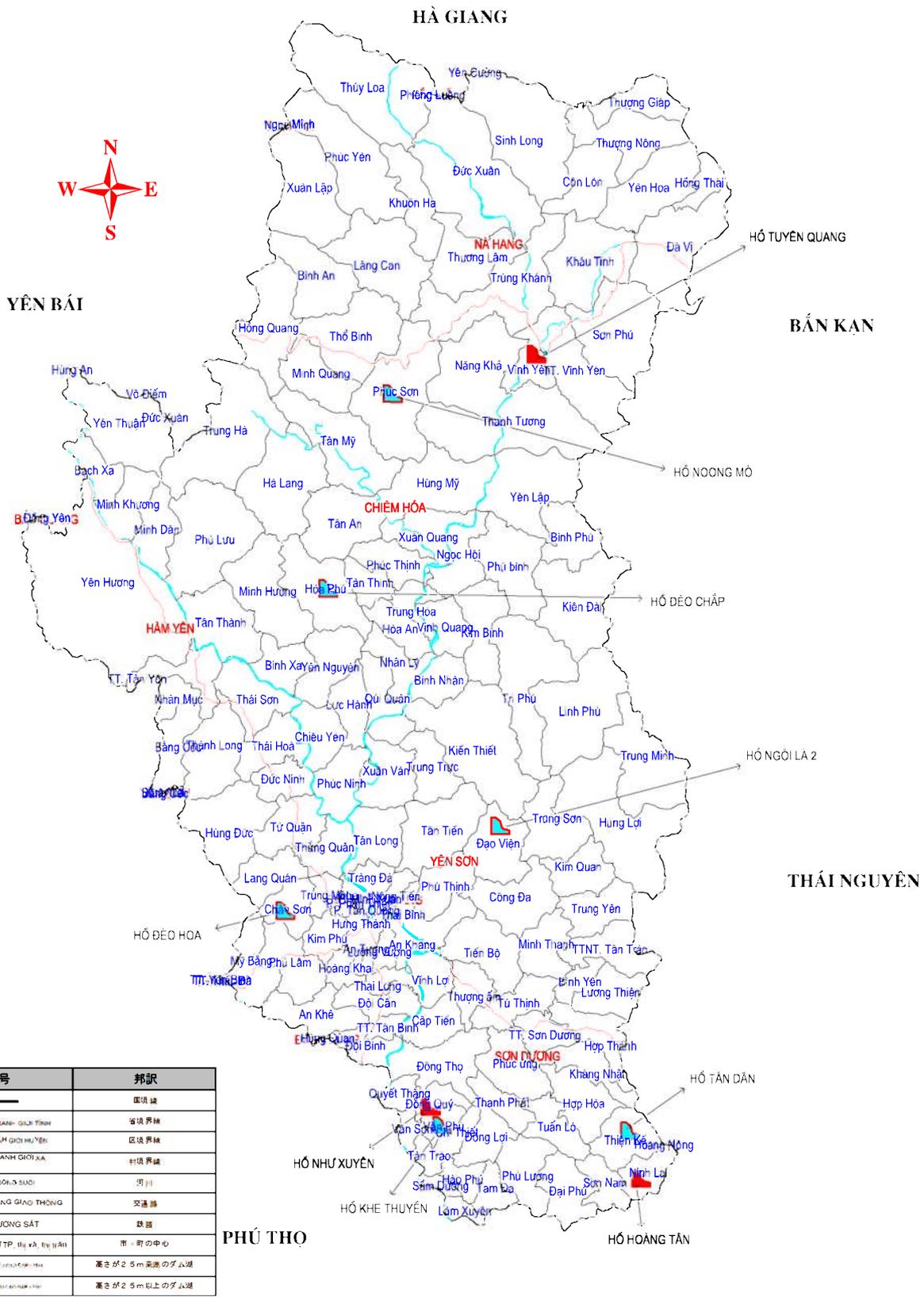
記号	邦訳
	国境線
RANH GIỚI TỈNH	省境界線
RANH GIỚI HUYỆN	区境界線
RANH GIỚI XÃ	村境界線
SÔNG SUỐI	河川
ĐƯỜNG GIAO THÔNG	交通路
ĐƯỜNG SẮT	鉄路
TTTP, thị xã, thị trấn	市・町の中心
HỒ CÓ CHIỀU CAO ĐÁP < 25M	高さが2.5m未満のダム湖
HỒ CÓ CHIỀU CAO ĐÁP > 25M	高さが2.5m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH LÀO CAI

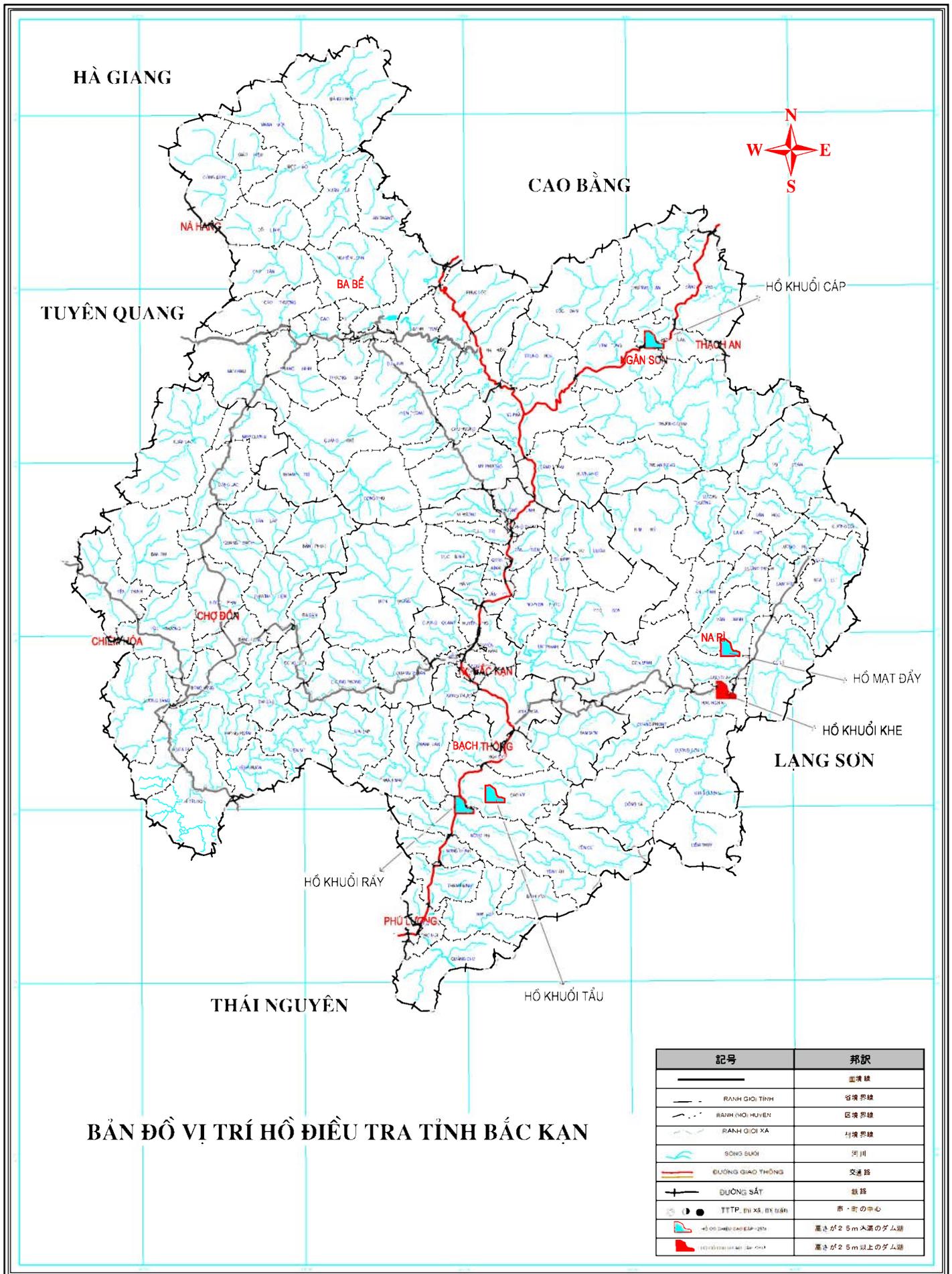


記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村落界線
	河川
	道路
	鉄路
	市・町の中心
	高さ2.5m未満のダム湖
	高さ2.5m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH TUYÊN QUANG



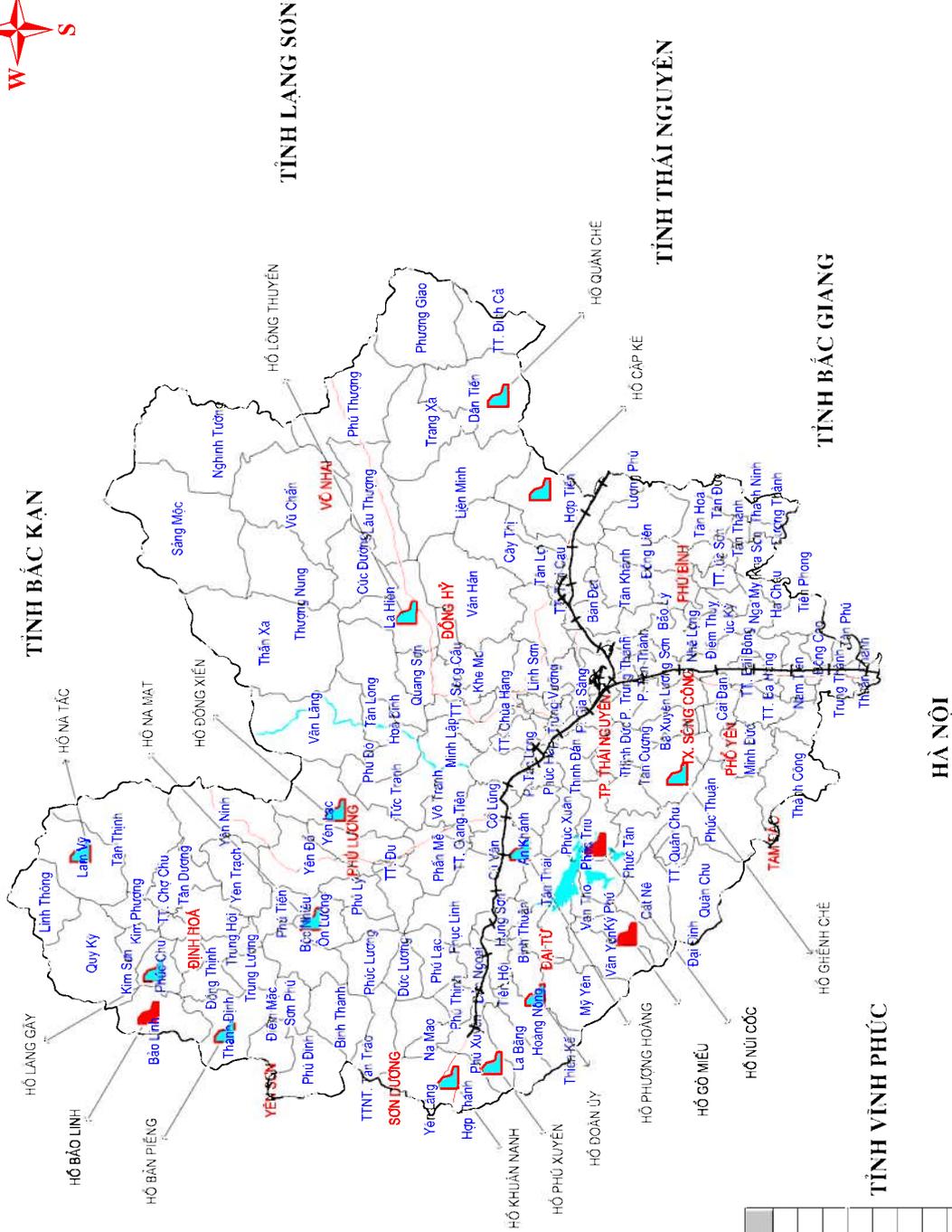
記号	邦訳
	国境線
	省境線
	区境線
	村境線
	河川
	交通線
	鉄道
	市・町の中心
	高さ2.5m未満のダム堤
	高さ2.5m以上のダム堤



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH BẮC KẠN

記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	高さ2.5m未満のダム湖
	高さ2.5m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH THÁI NGUYÊN

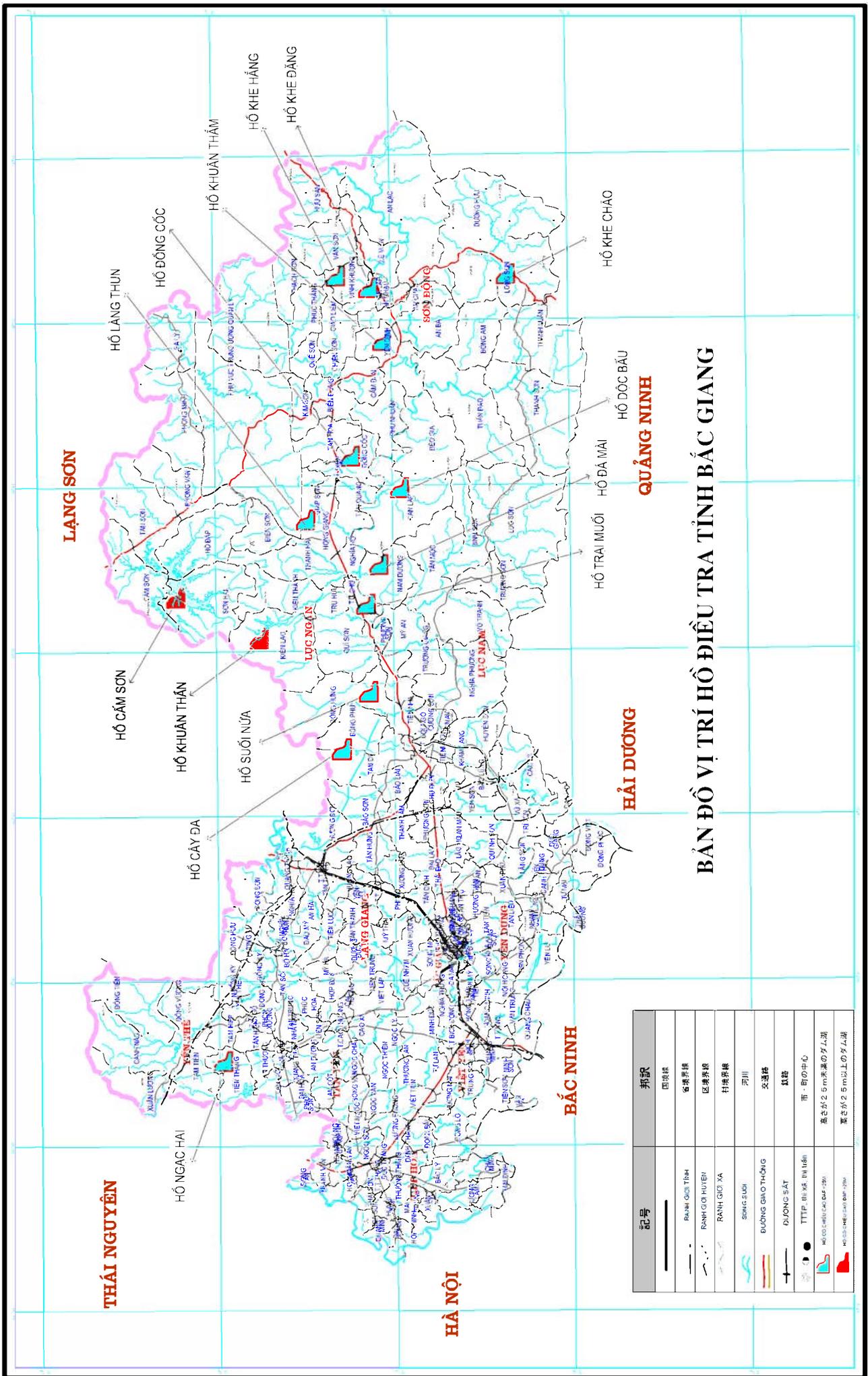


記号	邦歌
	国旗標
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・郡の中心
	深さが 2.5 m 未満の水深
	深さが 2.5 m 以上 5.0 m 未満

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH PHÚ THỌ



記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	中県界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	高さ 2.5m 未満のダム湖
	高さ 2.5m 以上のダム湖



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH BẮC GIANG

記号	邦訳
—	国境線
—	省境界線
—	区境界線
—	村境界線
—	河川
—	交通路
—	鐵路
●	市・町の中心
■	高さ2.5 m未満のダム湖
■	高さ2.5 m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH QUẢNG NINH

TRUNG QUỐC

TỈNH LANG SON

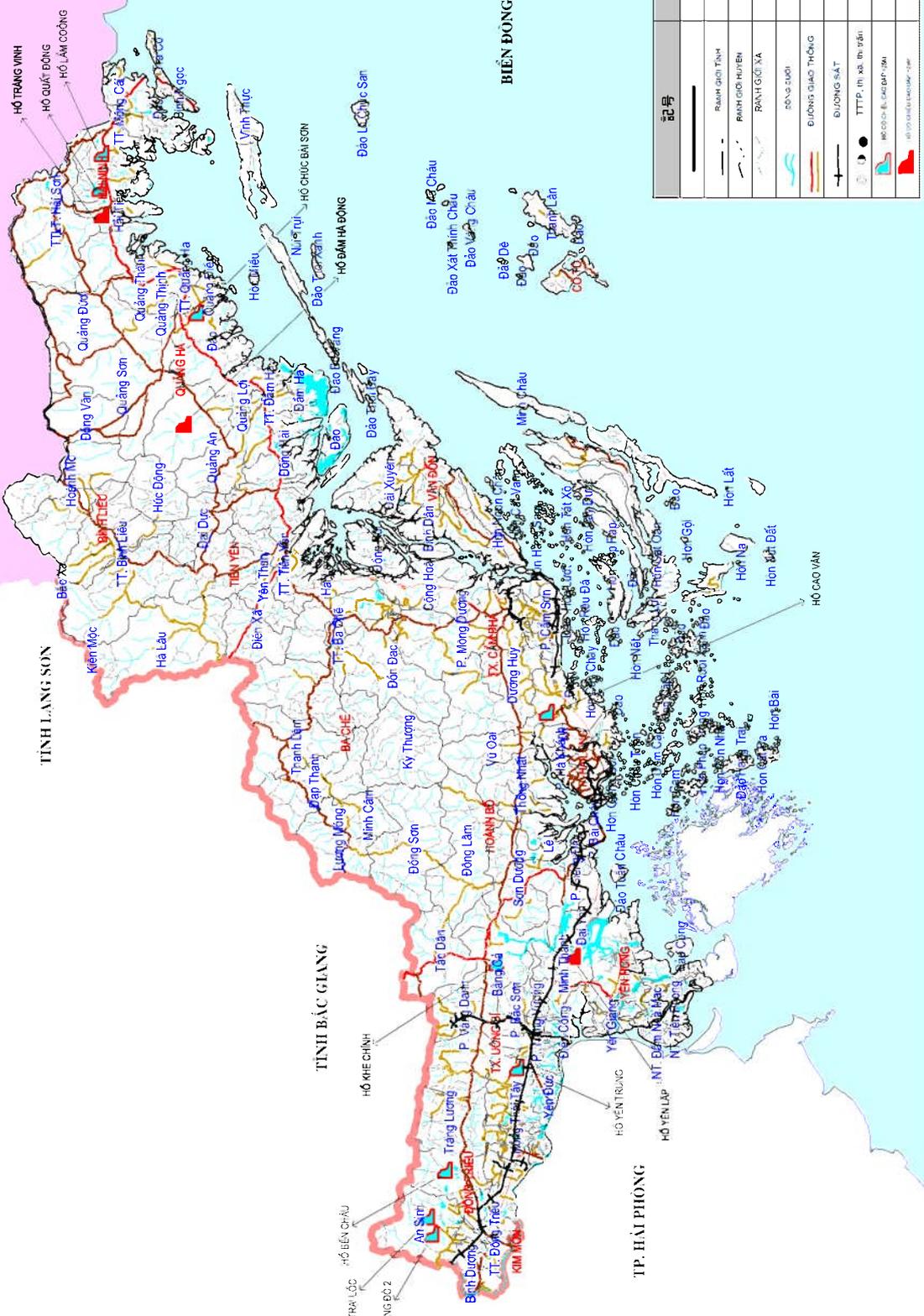
TỈNH BẮC GIANG

TP. HẢI PHÒNG

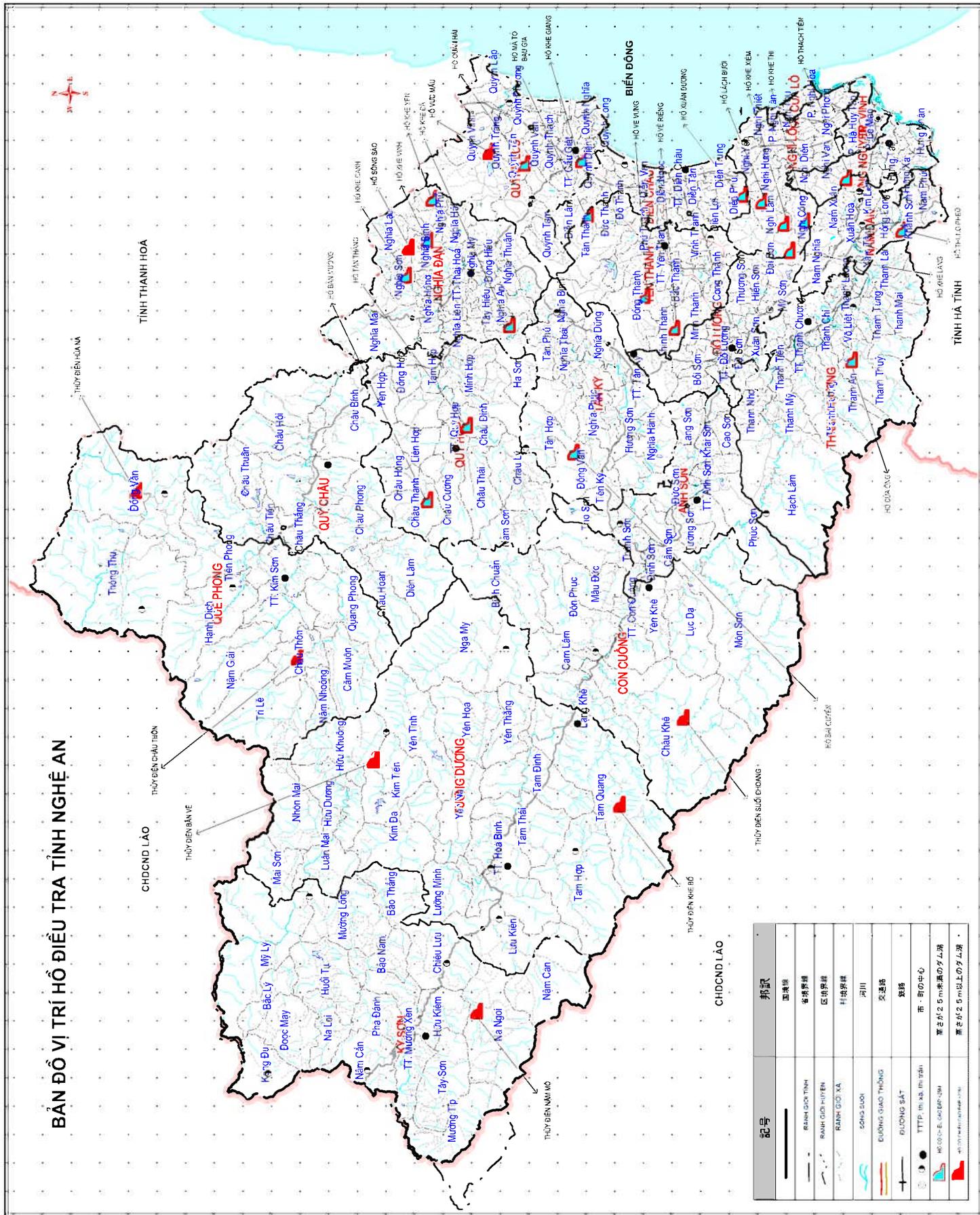
BIỂN ĐÔNG



記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	高さから5 m未満のメソメ
	高さから5 m以上のメソメ

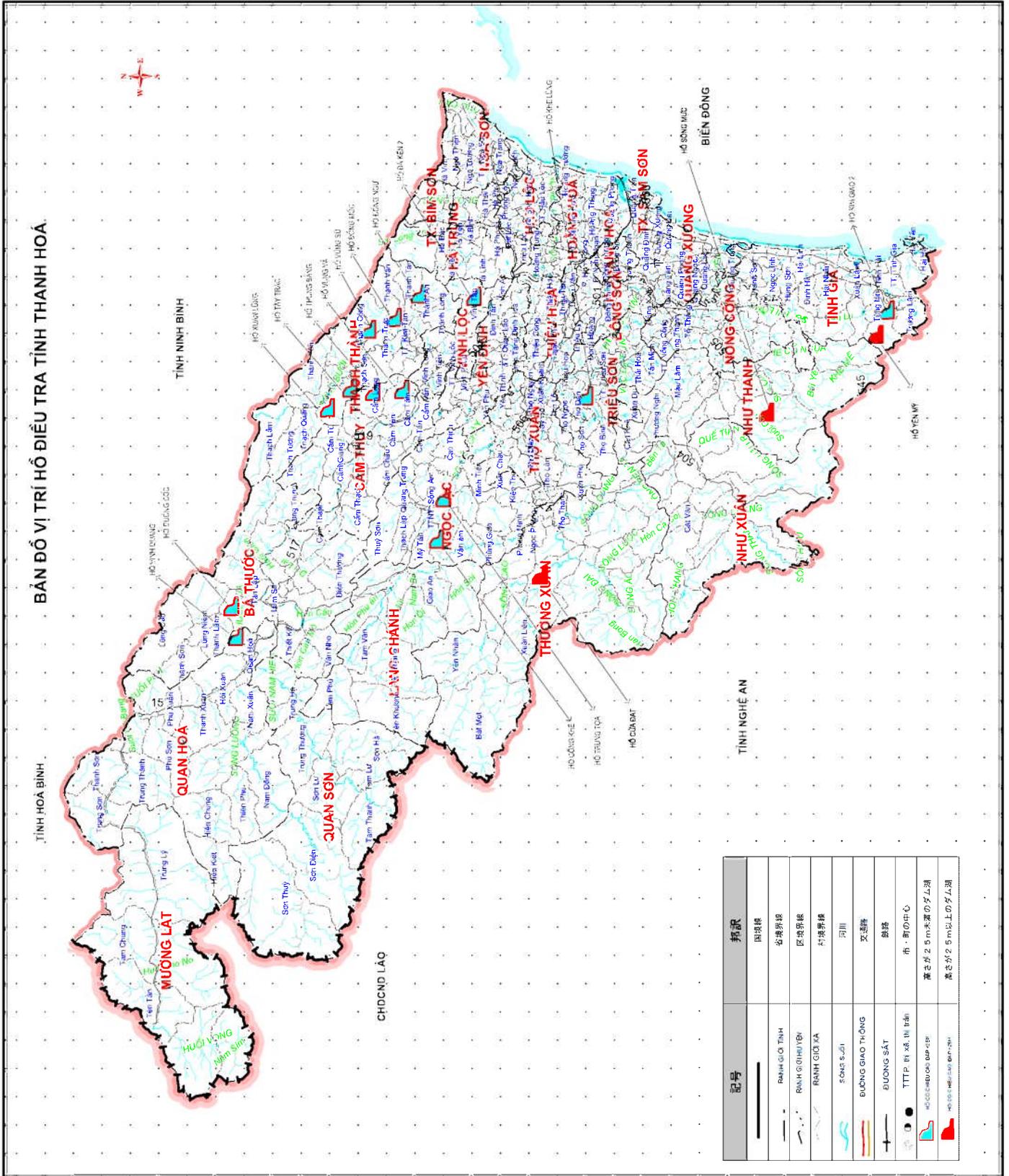


BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH NGHỆ AN



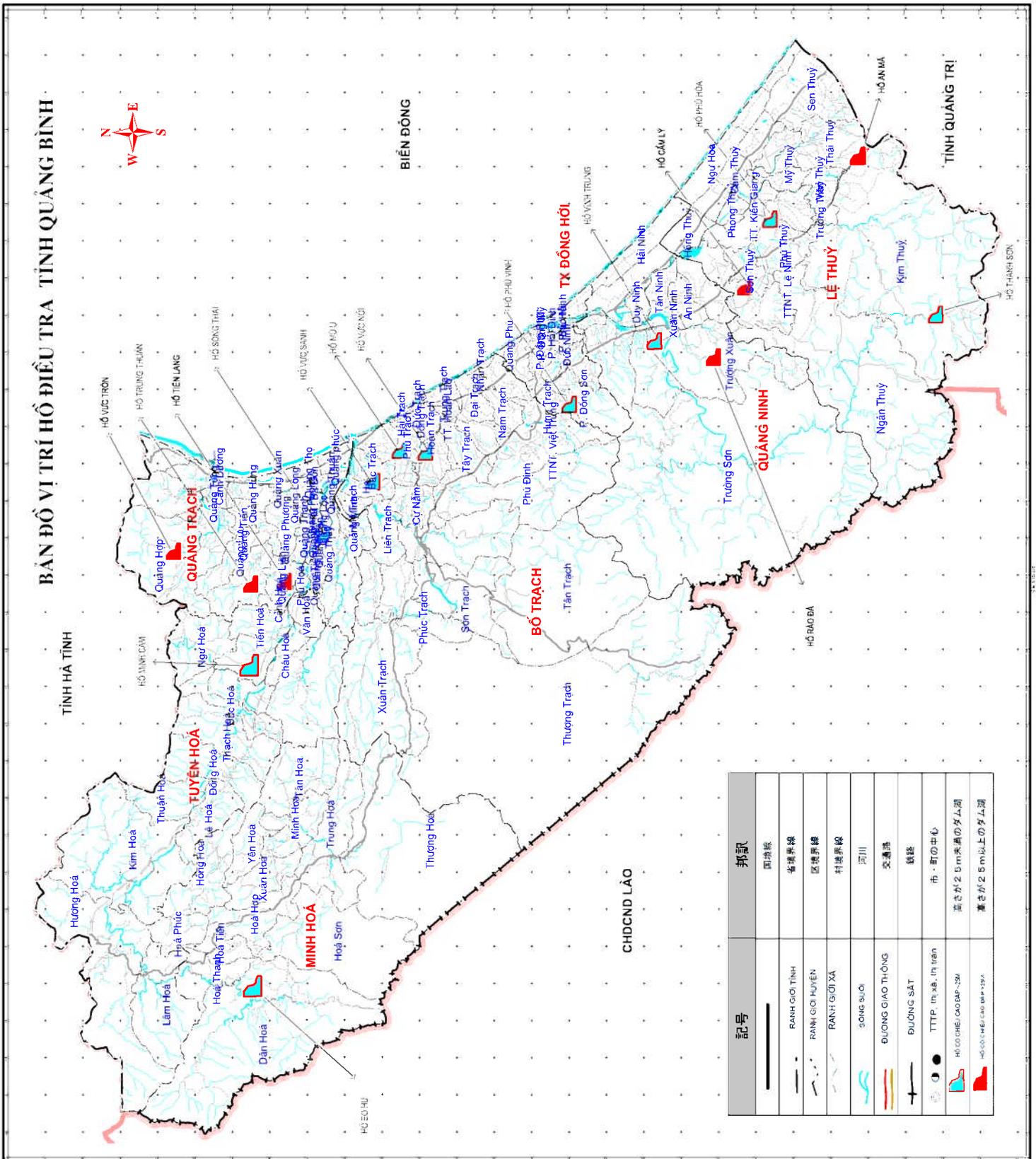
記号	邦記
	国境界
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	面積が2.5m ² 未満のダム湖
	面積が2.5m ² 以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH THANH HOÁ.

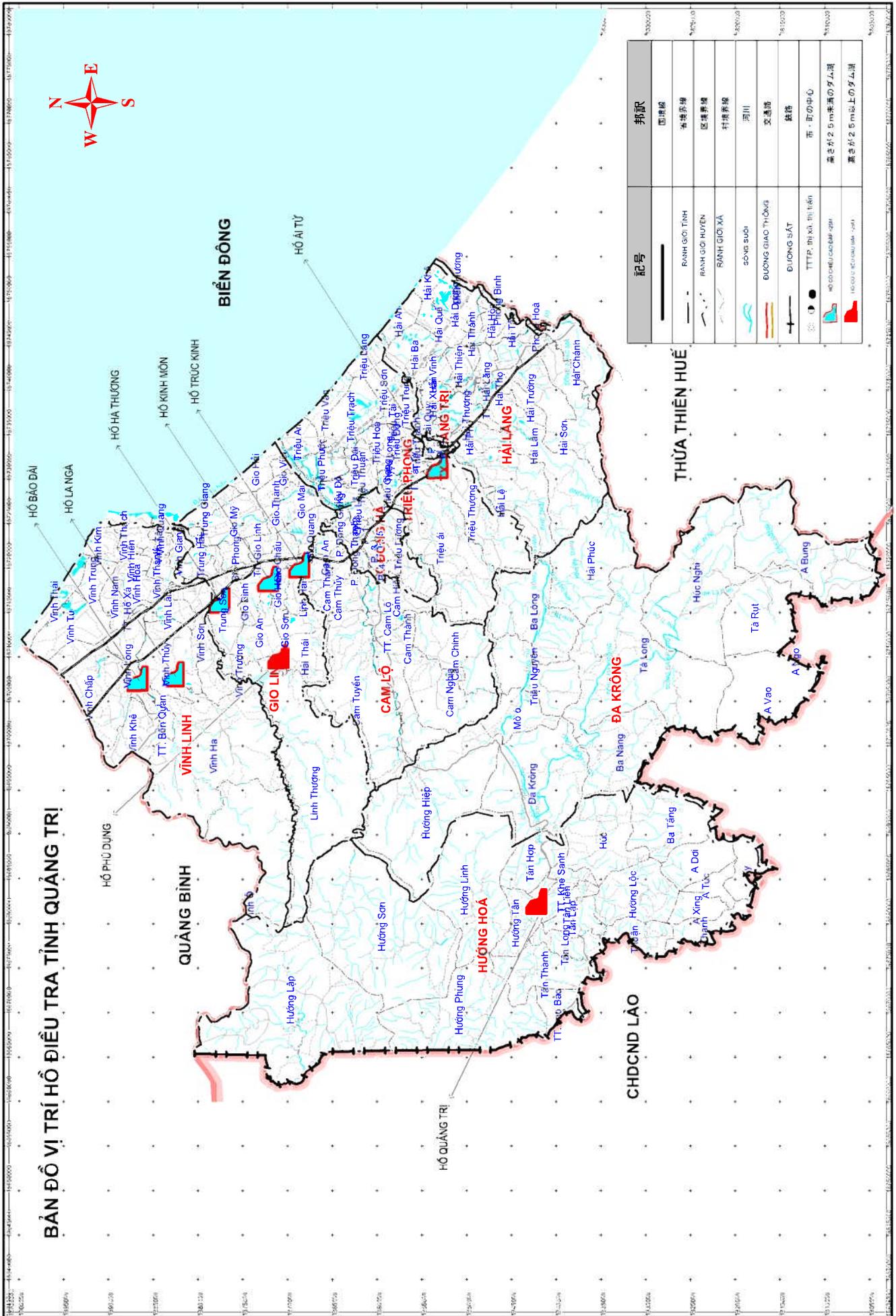


記号	邦訳
	国道路
	省道
	区境界線
	村境界線
	河川
	湖沼
	道路
	市・町の中心
	高さ2.5m未満のダム湖
	高さ2.5m以上のダム湖

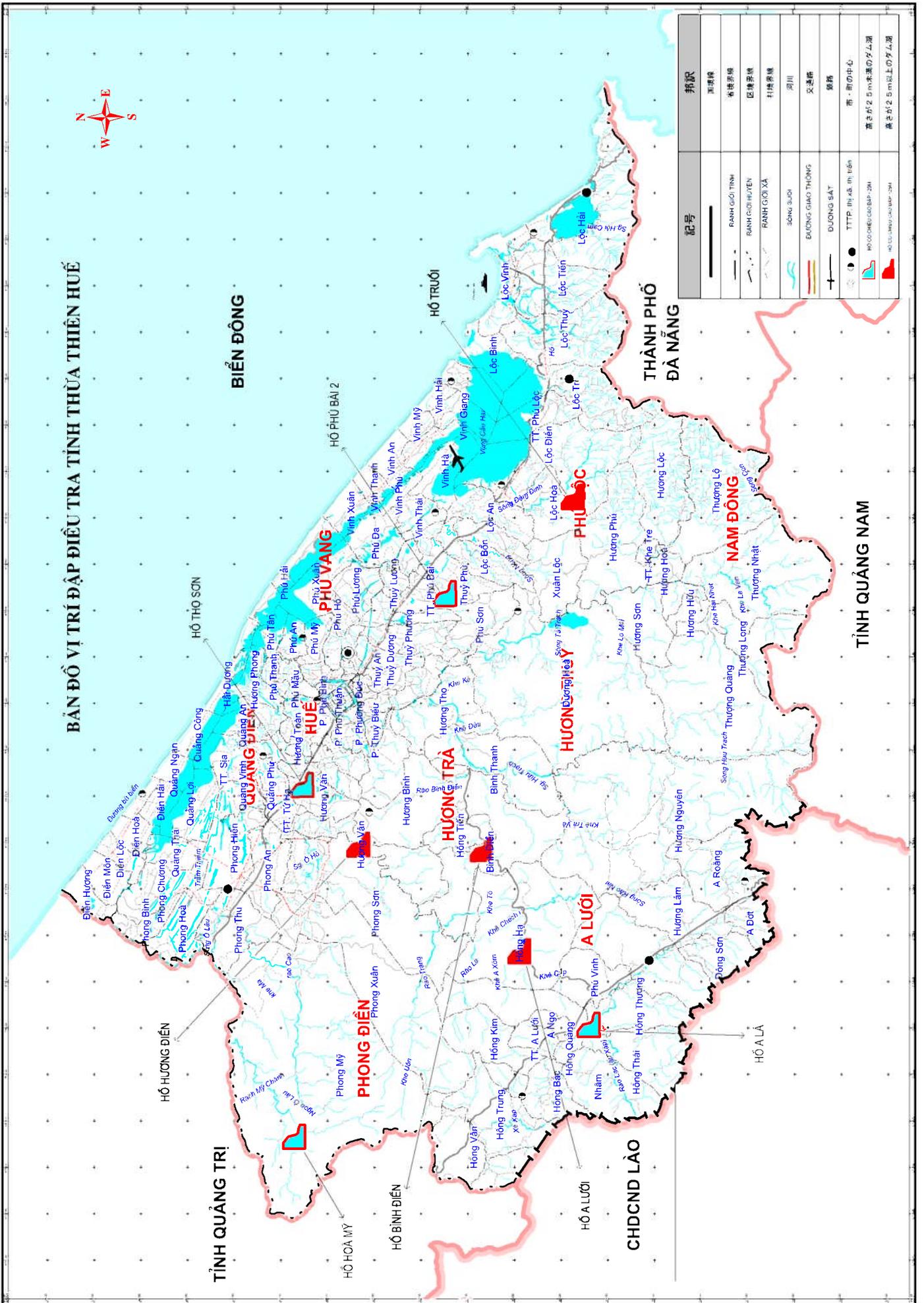
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH QUẢNG BÌNH



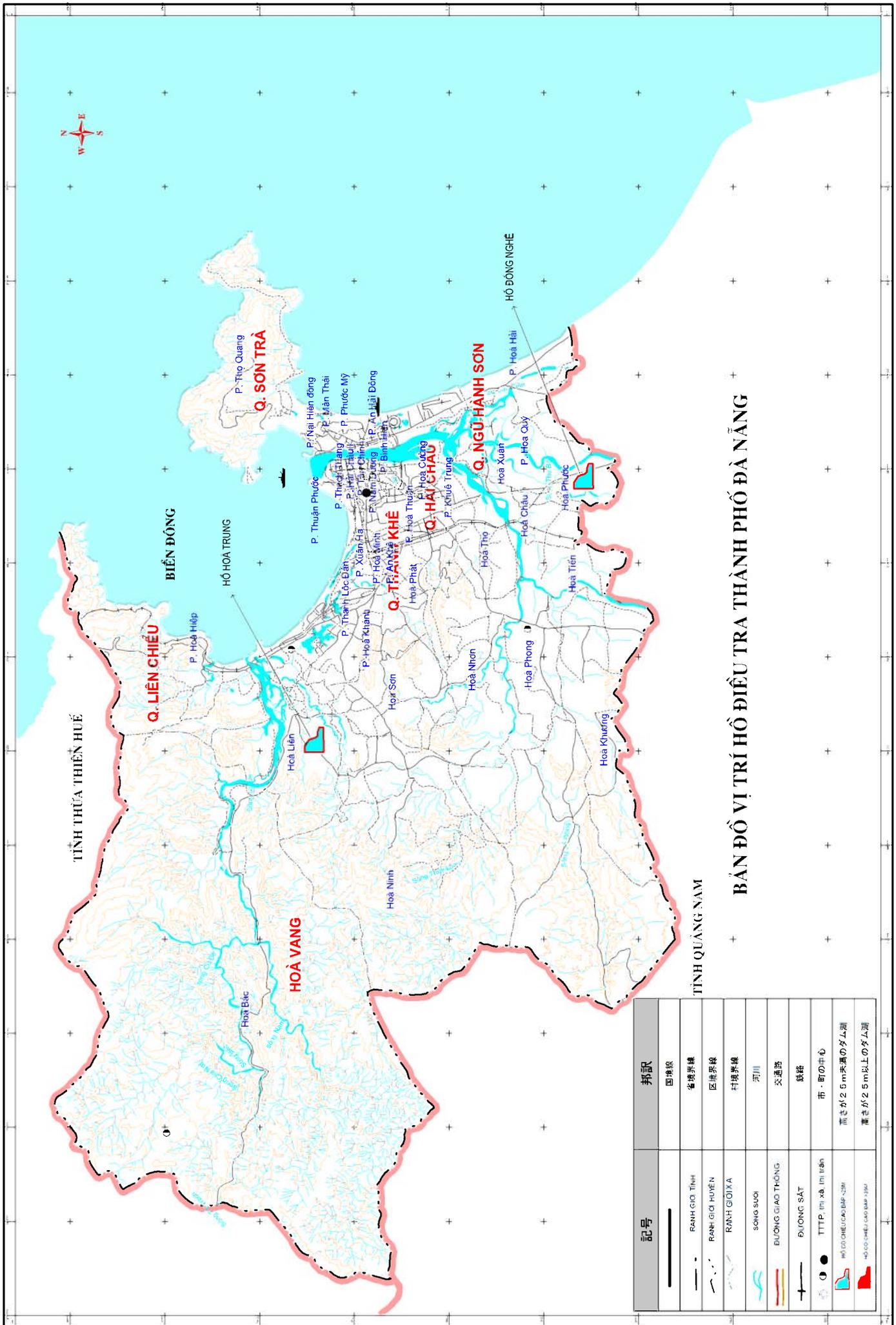
記号	邦記
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鐵路
	市・町の中心
	高さが2.5m未満のダム湖
	高さが2.5m以上のダム湖



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ ĐẬP ĐIỀU TRA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

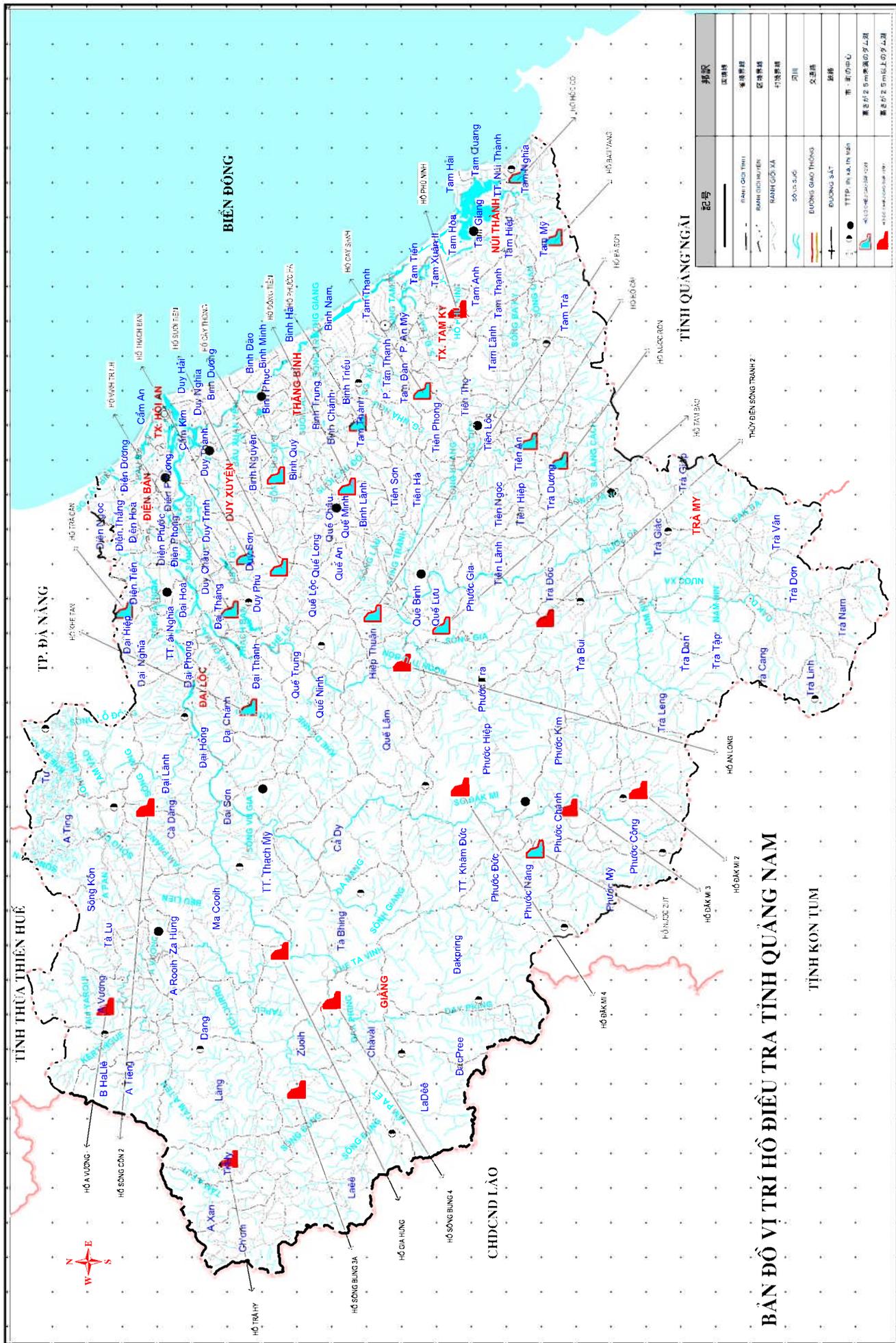


記号	邦訳
—	国境線
—	省境界線
—	区境界線
—	村境界線
—	河川
—	水路
—	交通線
—	鐵路
●	市・町・村の中心
■	高さ2.5 m未満のダム湖
■	高さ2.5 m以上のダム湖



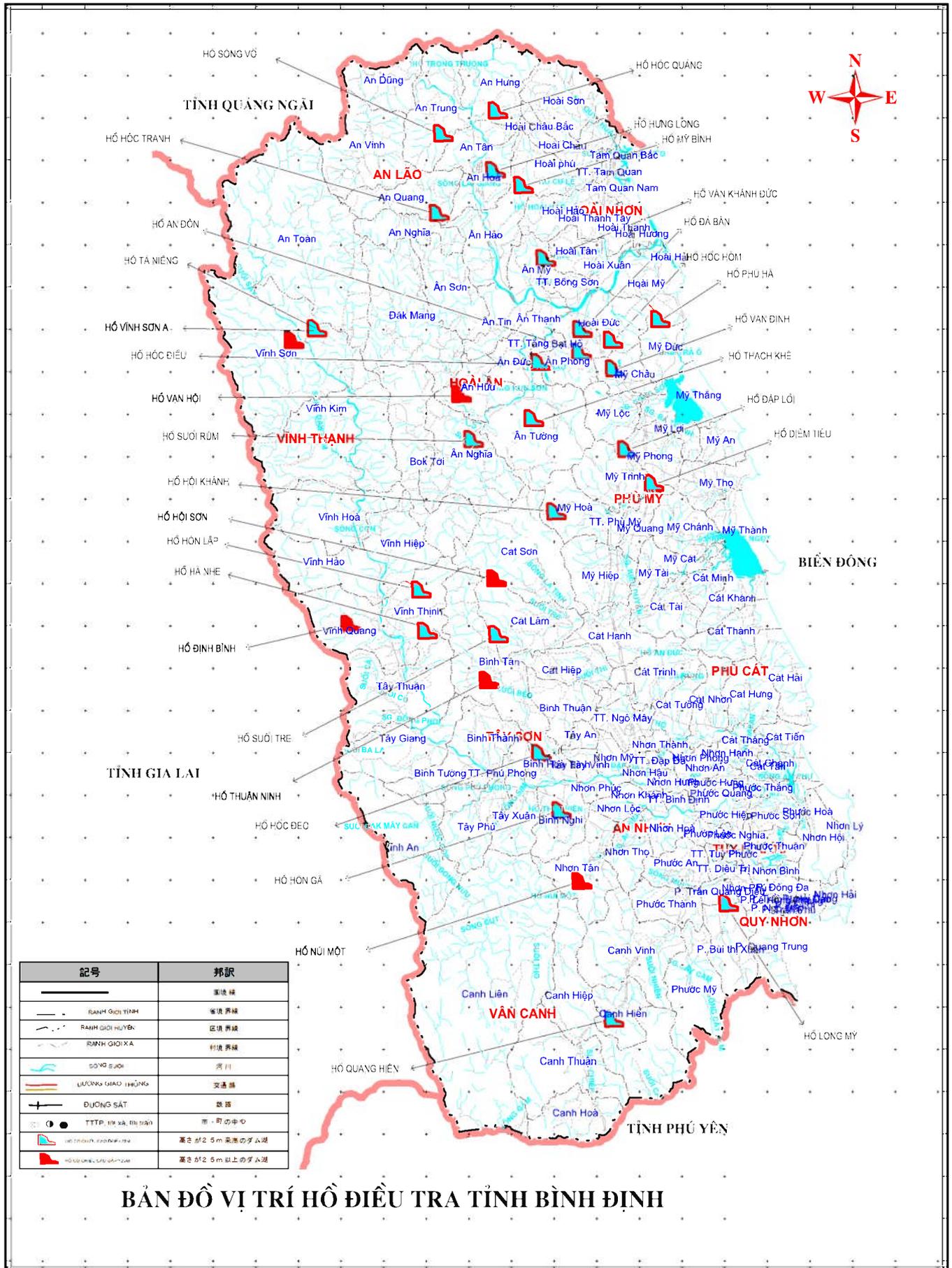
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	DUONG GIAO THONG 交通路
	ĐƯỜNG SẮT 鉄路
	TTTP, thị xã, thị trấn 市・町の中心
	HỒ ĐIỀU TRA ĐẬP 高さ2.5 m未満のダム湖
	HỒ ĐIỀU TRA ĐẬP 高さ2.5 m以上のダム湖

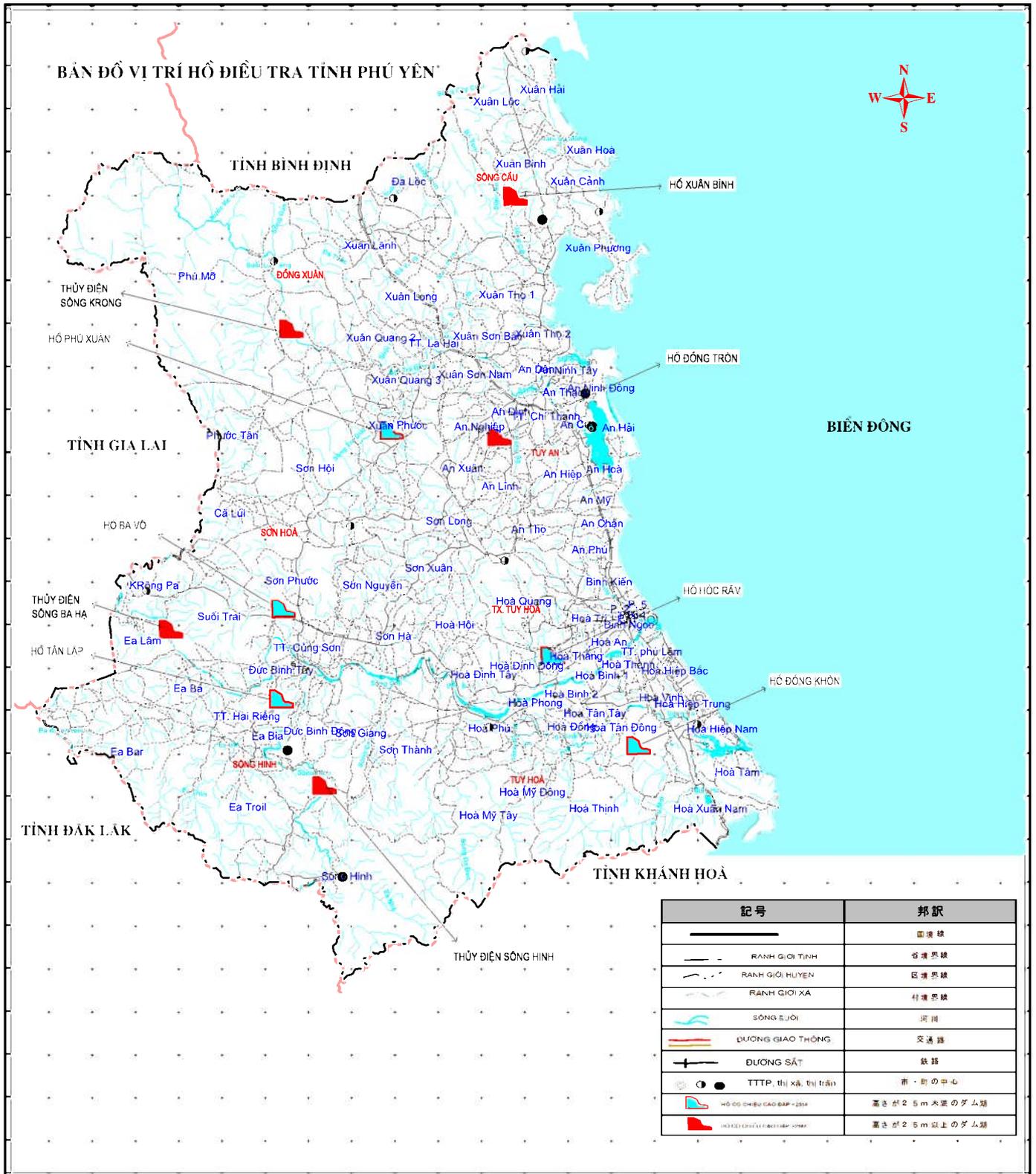


記号	邦訳
	国境線
	省境線
	区境線
	町境線
	河川
	交通線
	鉄線
	市・郡の中心
	市町村の中心
	重要な地名
	重要な地名

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRÀ TỈNH QUẢNG NAM
TỈNH KON TUM

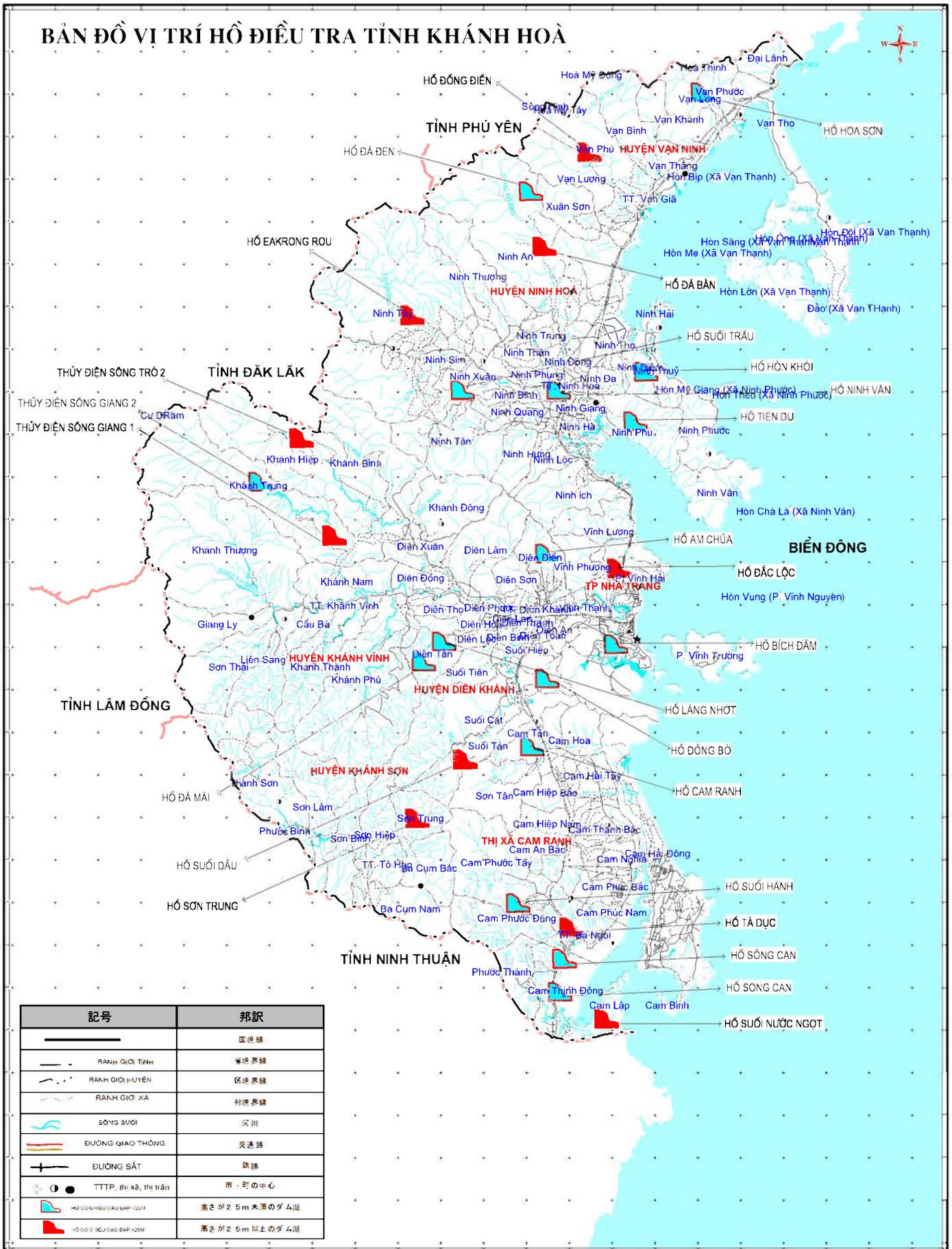


BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH PHÚ YÊN



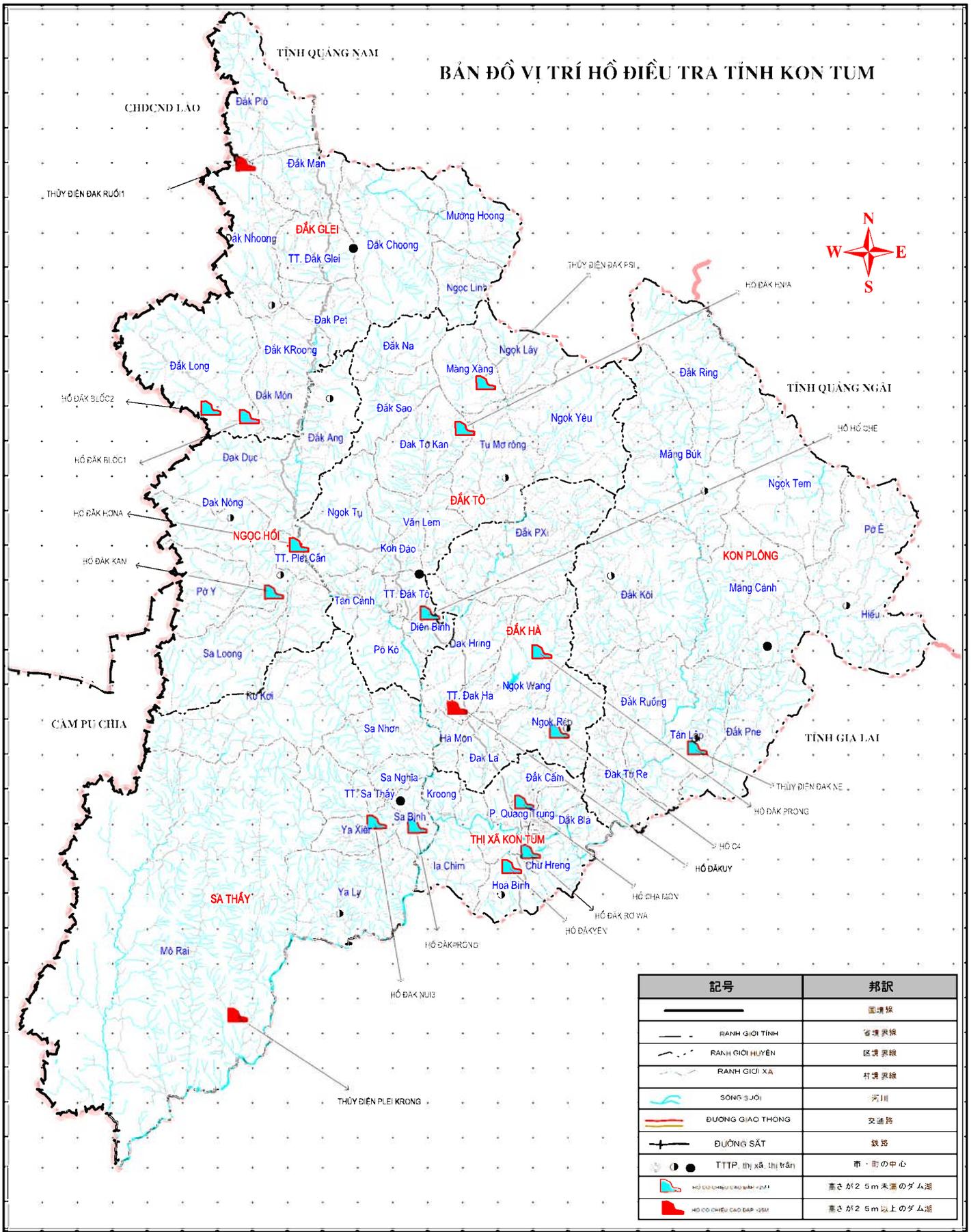
記号	邦訳
	国境線
	省境線
	区境線
	村境線
	河川
	交通線
	鉄路
	市・町の中心
	高さが2.5m未満のダム期
	高さが2.5m以上のダム期

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH KHÁNH HOÀ



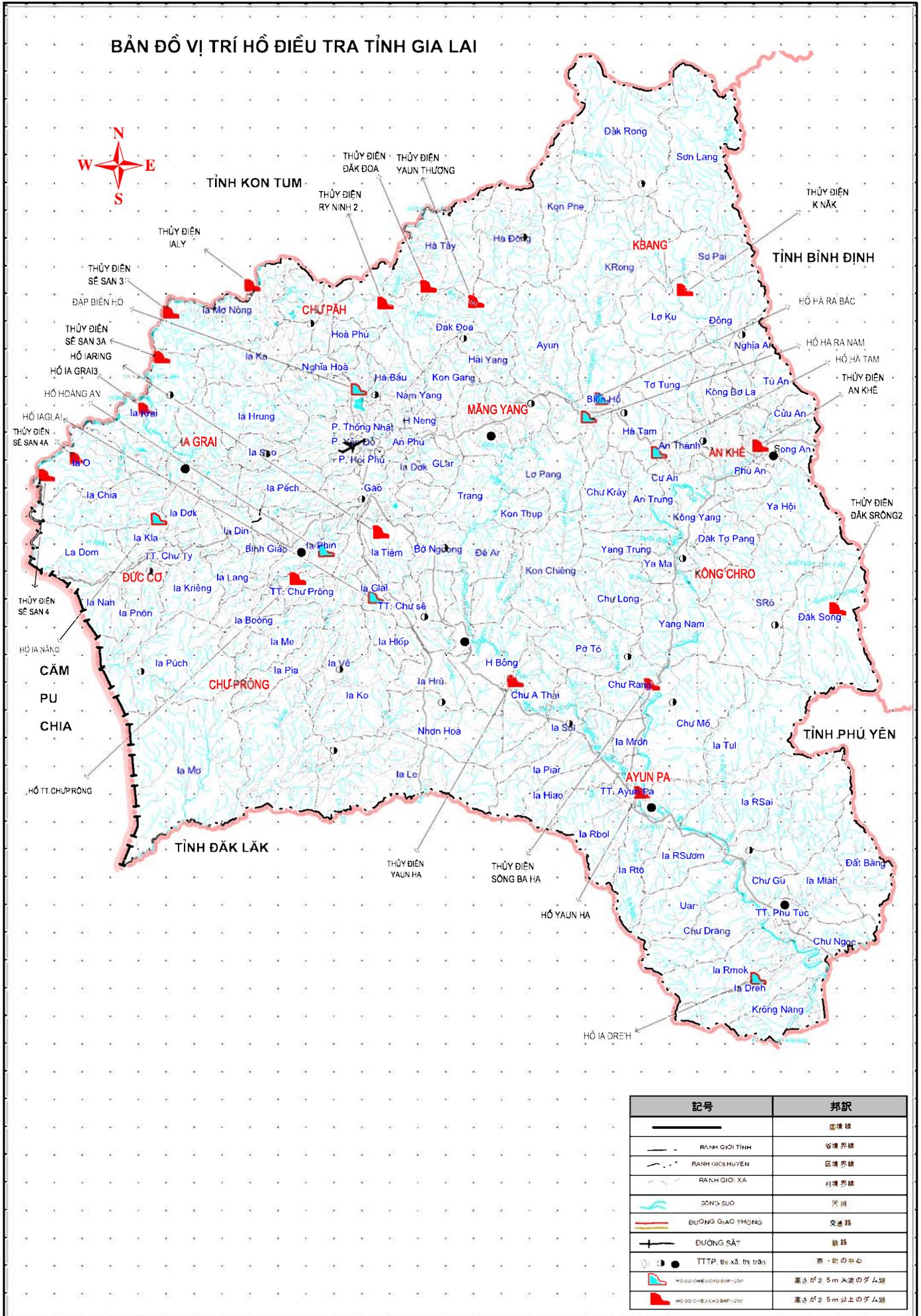
記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通線
	鉄線
	市・町の中心
	高さが2.5m未満のダム湖
	高さが2.5m以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH KON TUM



記号	邦訳
	国境線
	省境表線
	区境表線
	村境表線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・町の中心
	高さ 2.5 m 未満のダム湖
	高さ 2.5 m 以上のダム湖

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH GIA LAI



記号	邦訳
	国境線
	省境線
	区境線
	村境線
	河川
	交通路
	鉄路
	市・郡の中心
	高さ2.5m未満のダム湖
	高さ2.5m以上のダム湖

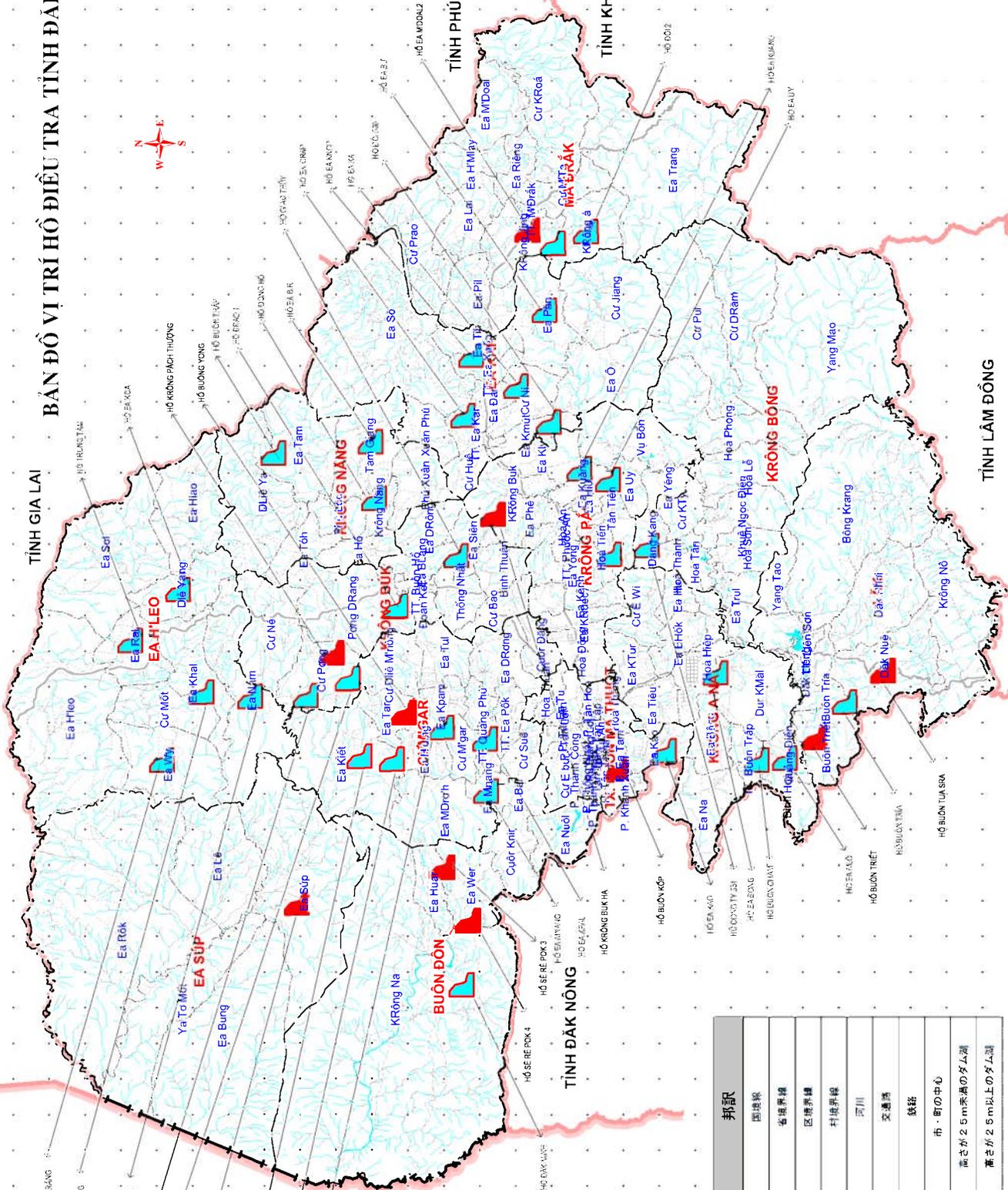
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH ĐẮK LẮK

TỈNH GIA LAI

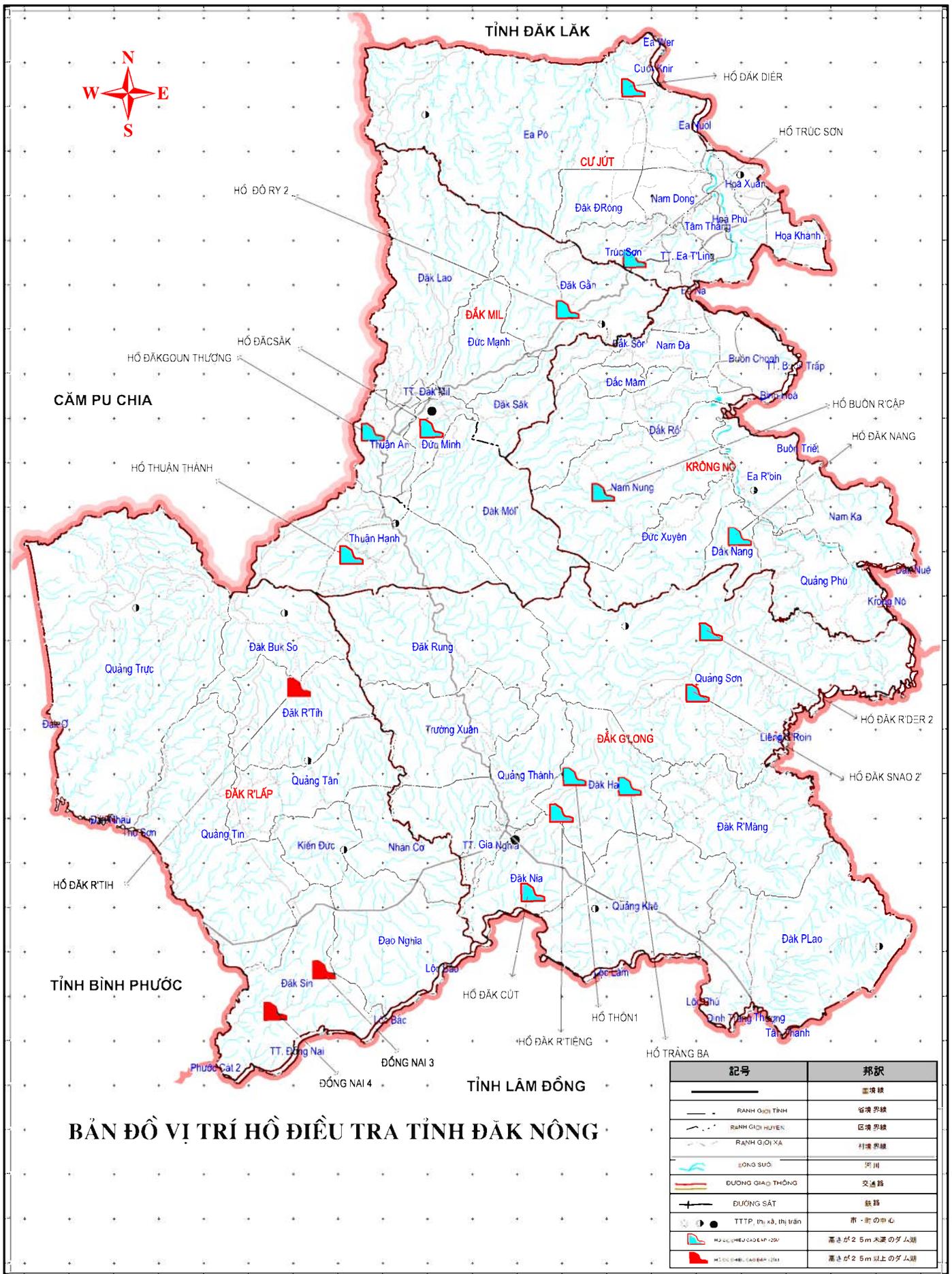
TỈNH PHÚ YÊN

TỈNH KHÁNH HOÀ

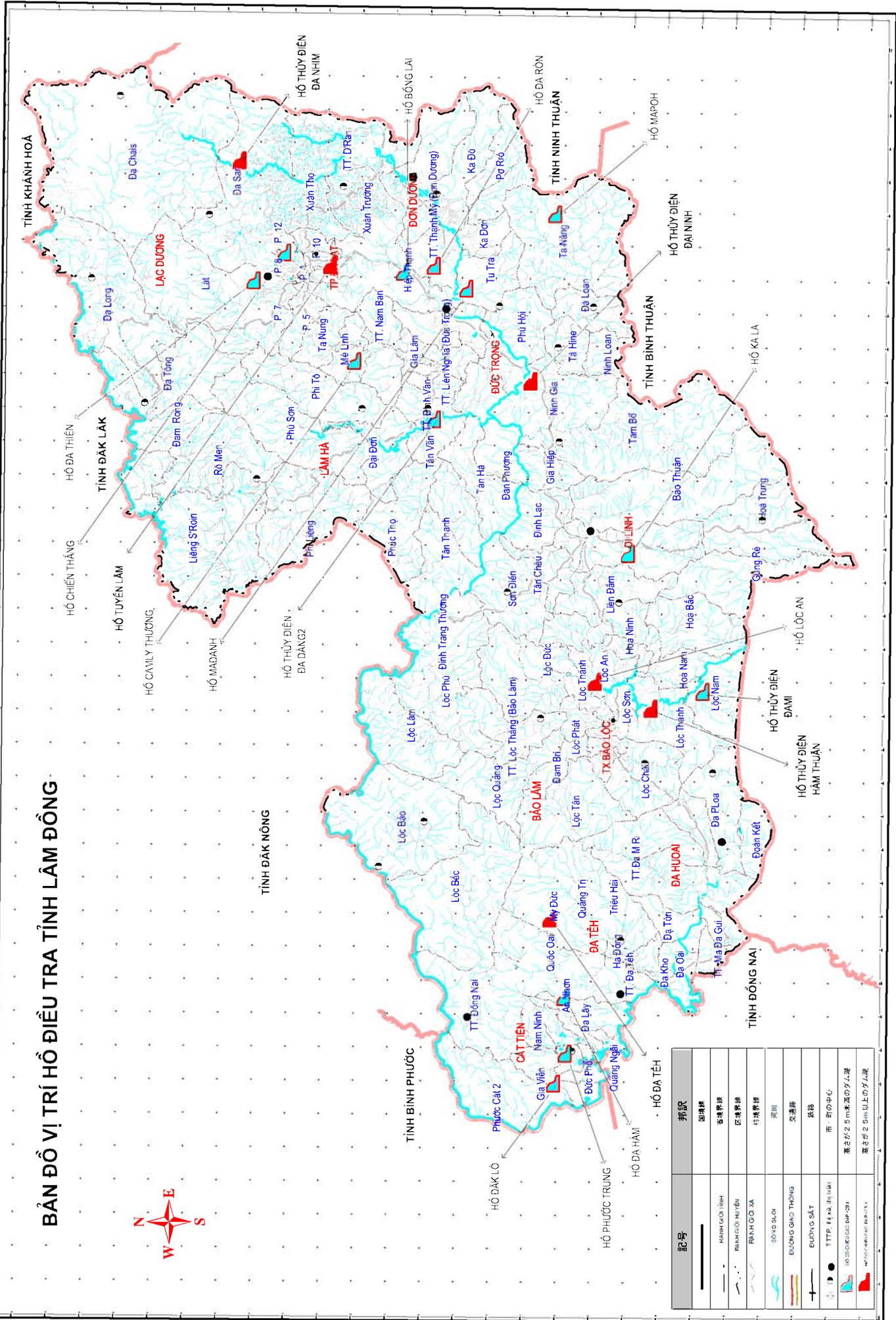
TỈNH LÂM ĐỒNG



記号	邦訳
	国境線
	省境界線
	区境界線
	村境界線
	河川
	交通路
	鐵路
	市・町の中心
	高さか2.5m未満のダム湖
	高さか2.5m以上のダム湖

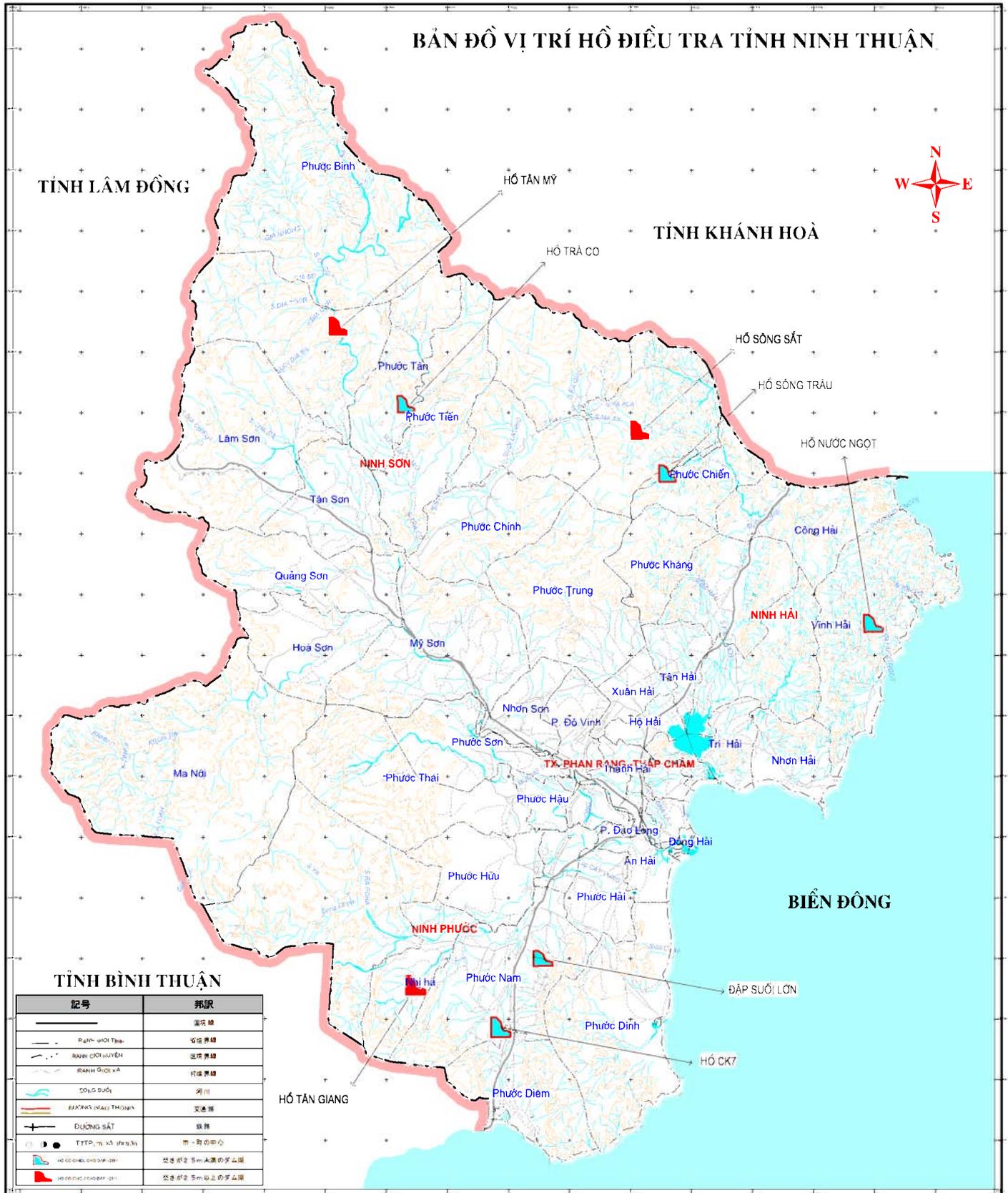


BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH LÂM ĐỒNG



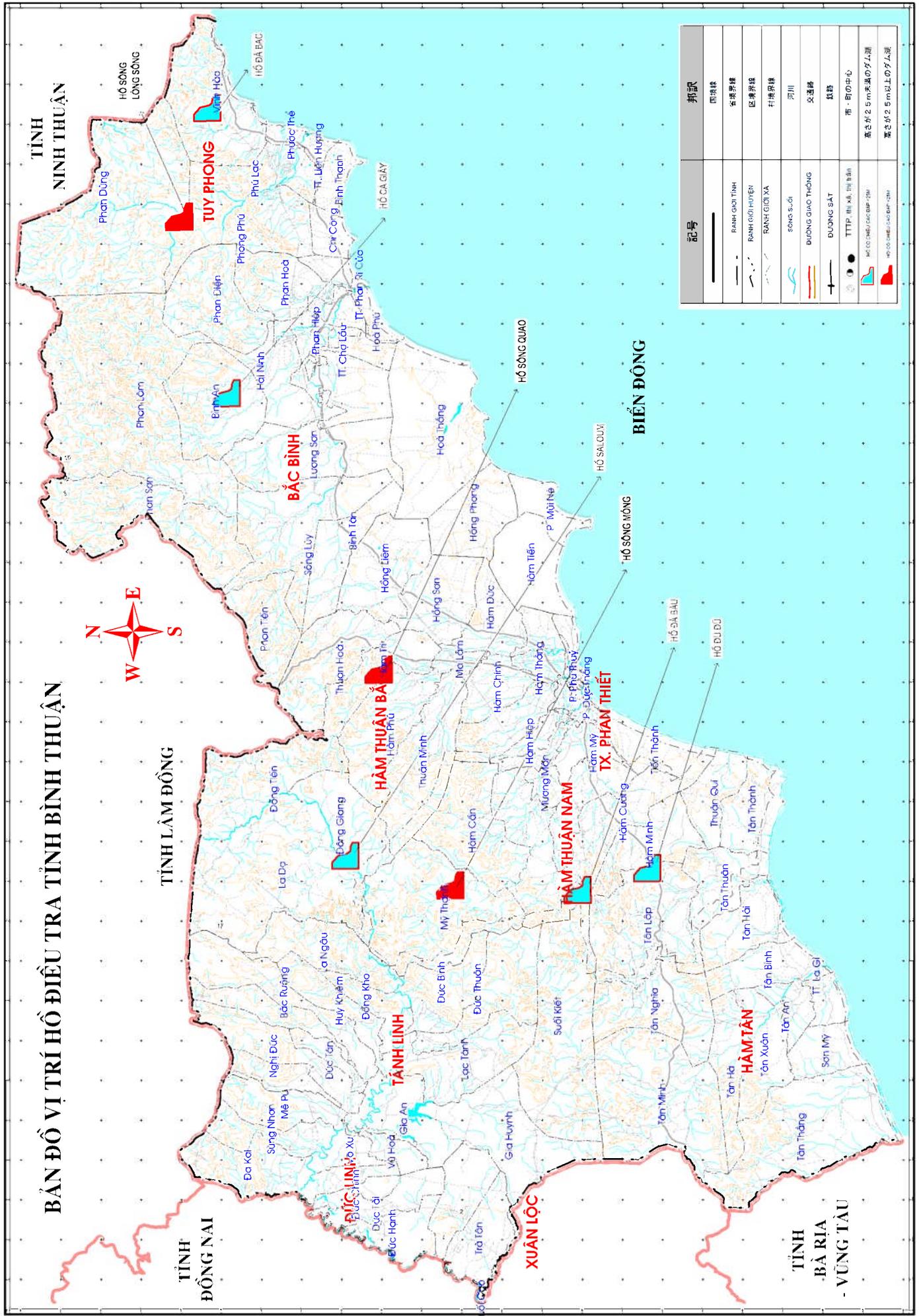
記号	邦訳
	国境界
	省境界
	区境界
	市境界
	河川
	交通路
	鐵路
	市・町の中心
	高さ2.5m未満のダム堤 高さ2.5m以上のダム堤

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH NINH THUẬN



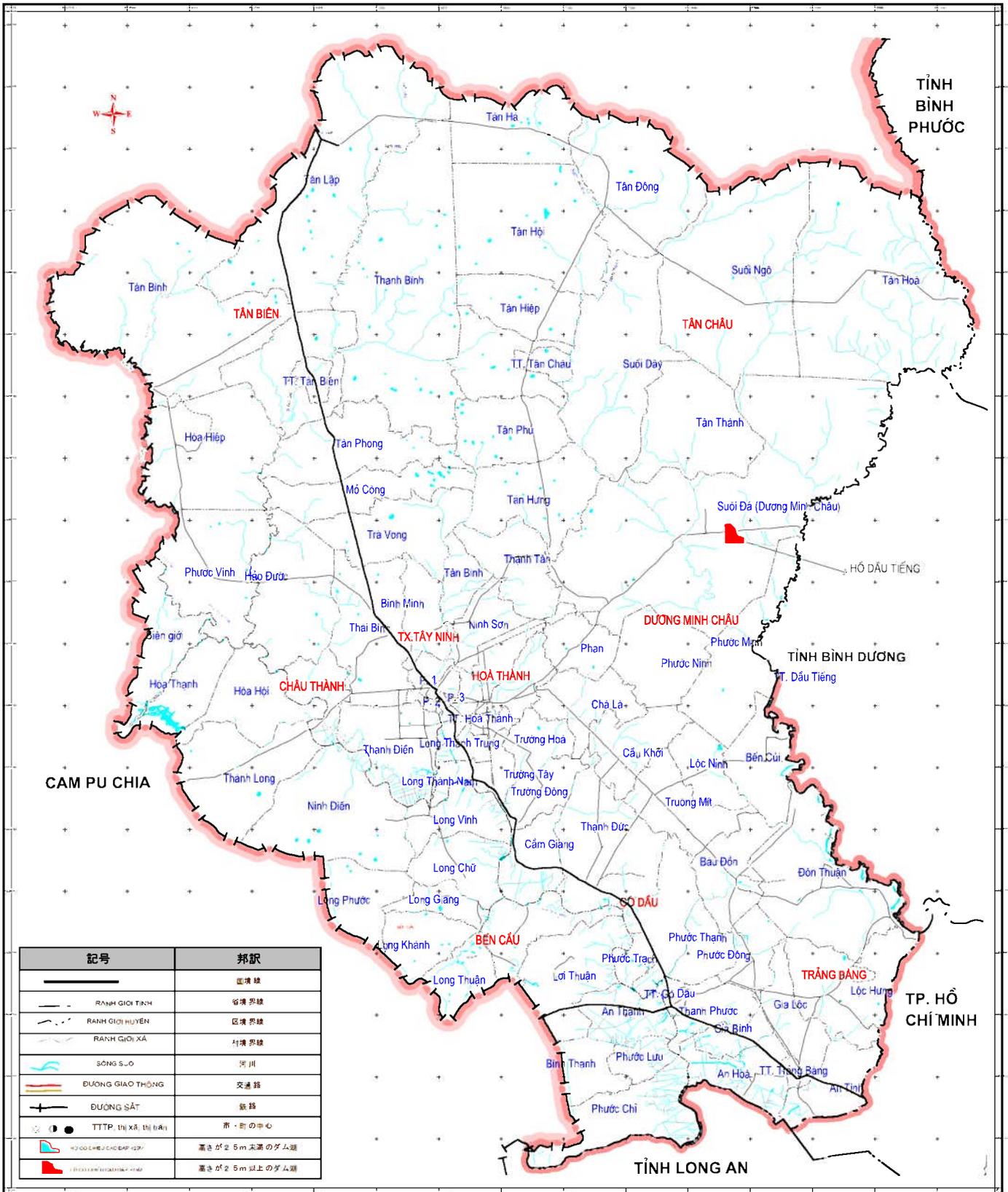
記号	邦訳
—	国境線
—	省境線
—	市境線
—	村境線
—	河川
—	交通線
—	鉄路
●	市・町の中心
■	標高が 5m 未満の沼澤
■	標高が 5m 以上の沼澤

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH BÌNH THUẬN

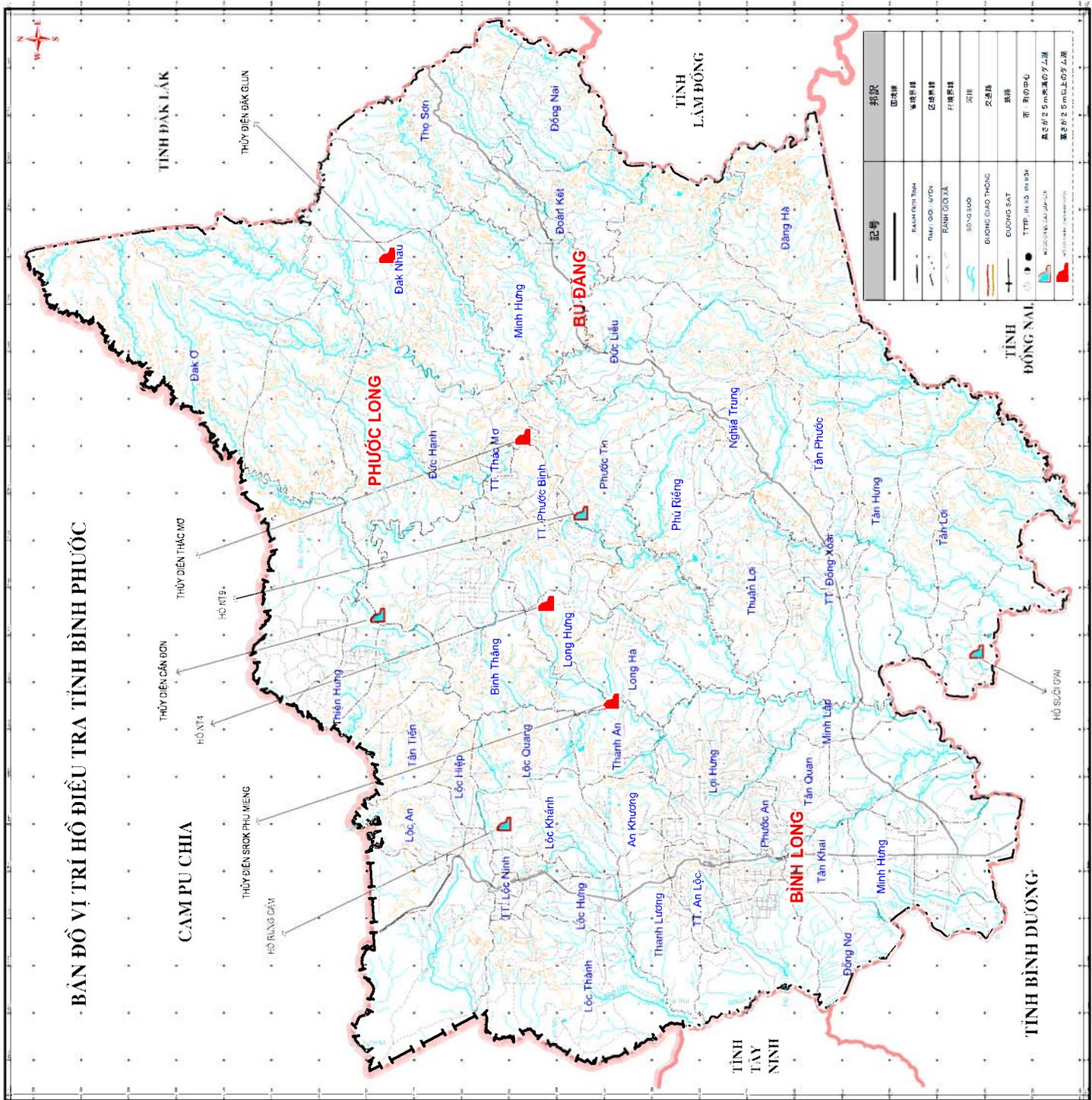


記号	邦訳
—	国境線
—	省県界線
—	区界界線
—	村界界線
—	河川
—	交通線
—	鉄路
●	市・郡の中心
○	高さ 2.5 m 未満のダム湖
■	高さ 2.5 m 以上のダム湖

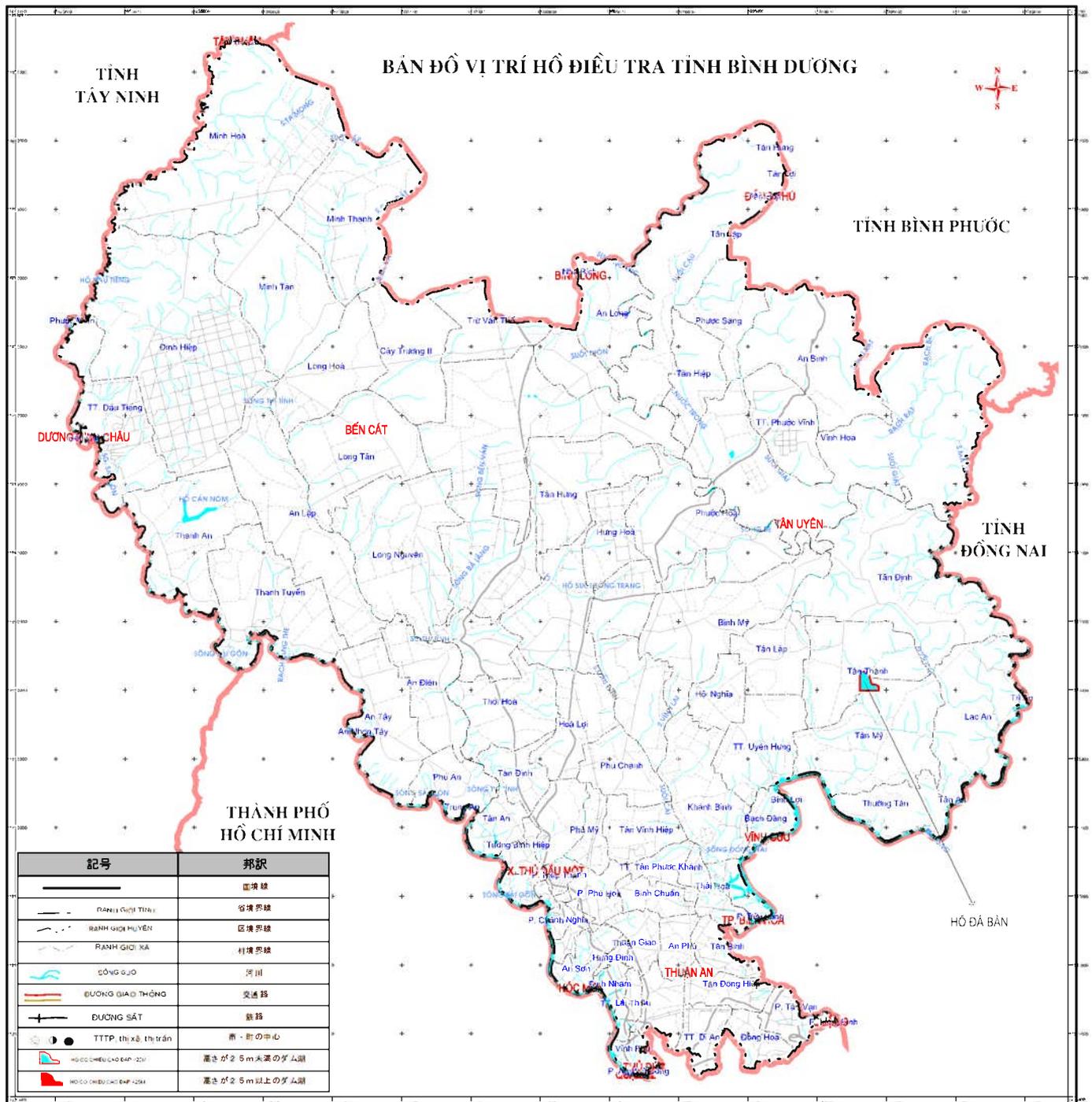
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH TÂY NINH



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH BÌNH PHƯỚC



記号	邦訳
—	国境線
—	省境線
—	区境線
—	市界線
—	河川
—	交通路
—	鉄路
●	市、町の中心
○	標高が 2.5m 未満の地点
■	標高が 2.5m 以上の点



BẢN ĐỒ VỊ TRÍ HỒ ĐIỀU TRA TỈNH ĐỒNG NAI

